



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN
DỰ ÁN QIPEDC



NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG

PHỤ HUYNH

**HỖ TRỢ HỌC SINH KHIÊM THÍNH CẤP TIỂU HỌC
THÔNG QUA NGÔN NGỮ KÍ HIỆU**

TỔ BIÊN SOẠN TÀI LIỆU

Phiên bản 8.0 ngày 22/07/2020

Thành phố Hồ Chí Minh, 2020

GIỚI THIỆU

Ở Việt Nam có khoảng 1.2 triệu trẻ khuyết tật có độ tuổi dưới 17, trong đó có khoảng 116.400 học sinh khiếm thính (*trích tài liệu dự án QIPEDC*). Trong những năm qua, nhà nước đã hỗ trợ cho giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật, tuy nhiên, chất lượng dịch vụ giáo dục vẫn còn hạn chế. Với học sinh khiếm thính, môi trường giao tiếp thông qua ngôn ngữ kí hiệu quá hạn chế, giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu kiến thức và kỹ năng cần thiết về ngôn ngữ kí hiệu để giảng dạy. Các cơ sở giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thính học bằng phương pháp nghe nói như các bạn không khiếm thính. Đa số phụ huynh mong muốn trẻ học và giao tiếp bằng ngôn ngữ nói, nhưng việc tiếp thu thông tin qua kênh nghe - nói làm các em gặp rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học tập. Điều này đã hạn chế khả năng học tập cũng như cơ hội hòa nhập xã hội của học sinh khiếm thính.

Thông qua ngân hàng thế giới, Quỹ hợp tác toàn cầu tài trợ theo kết quả đầu ra (The Global Partnership on Result - Based Aid - GPRBA) đã tài trợ kinh phí không hoàn lại cho chính phủ Việt Nam thực hiện dự án ***Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu*** (tên tiếng Anh: Quality improvement of primary education for deaf children project - viết tắt là QIPEDC). Mục tiêu của dự án QIPEDC là tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục của học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu. Để đạt được mục tiêu trên, dự án có Hợp phần 2: *Bồi dưỡng giáo viên tiểu học, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, người lớn điếc, phụ huynh học sinh khiếm thính dạy môn Toán và môn Tiếng Việt bằng ngôn ngữ kí hiệu.*

Tập “Tài liệu bồi dưỡng phụ huynh hỗ trợ học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu” là một trong bốn nội dung của hợp phần 2, được xây dựng bao gồm có 5 chủ đề.

Chủ đề 1. Ngôn ngữ và giao tiếp đối với học sinh khiếm thính

Chủ đề 2. Ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam - Hướng dẫn tự học và xây dựng môi trường giao tiếp tại gia đình thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Chủ đề 3. Hỗ trợ học sinh khiếm thính học môn Tiếng Việt thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Chủ đề 4. Hỗ trợ học sinh khiếm thính học môn Toán thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Chủ đề 5. Giáo dục giới tính và phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục ở học sinh khiếm thính.

Mỗi chủ đề được thiết kế theo hướng phát triển năng lực người học, cùng với các hoạt động giúp phụ huynh có thể nắm được các yêu cầu dự án đề ra cho mình trong quá trình hỗ trợ học sinh khiếm thính ở gia đình, thông qua NNKH. Ngoài ra, ở mỗi chủ đề còn có các câu hỏi đánh giá, đặc biệt là nguồn tài liệu tham khảo giúp phụ huynh có thể tự nâng cao hiểu biết, phát triển các khả năng hỗ trợ học sinh khiếm thính.

Chân thành cảm ơn!

Nhóm biên soạn

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Chủ đề	Nội dung	Trang
	Lời giới thiệu	1
	Mục lục	3
	Mục tiêu	4
1	Ngôn ngữ và giao tiếp đối với học sinh khiếm thính	5
2	Ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam - Hướng dẫn tự học và xây dựng môi trường giao tiếp tại gia đình thông qua ngôn ngữ kí hiệu	17
3	Hỗ trợ học sinh khiếm thính học môn Tiếng Việt thông qua ngôn ngữ kí hiệu	32
4	Hỗ trợ học sinh khiếm thính học môn Toán thông qua ngôn ngữ kí hiệu	50
5	Giáo dục giới tính và phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục ở học sinh khiếm thính	62

MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Hiểu được một số đặc điểm ngôn ngữ và giao tiếp của học sinh khiếm thính cấp Tiểu học;
- Vận dụng được các kí hiệu cơ bản để xây dựng môi trường giao tiếp tại gia đình thông qua ngôn ngữ kí hiệu;
- Vận dụng được ngôn ngữ kí hiệu để hỗ trợ học sinh khiếm thính học môn Toán và môn Tiếng Việt, phát triển các kĩ năng cơ bản về giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực xâm hại, bảo vệ bản thân.

2. Phẩm chất

- Có tinh thần tự học và thực hành ngôn ngữ kí hiệu;
- Sẵn sàng phối hợp với giáo viên, nhân viên, người lớn điếc trong hoạt động hỗ trợ học sinh khiếm thính giao tiếp, học tập, hoà nhập cộng đồng.

Chủ đề 1. Ngôn ngữ và giao tiếp trong học tập của học sinh khiếm thính

Số tiết: 4 (2 lí thuyết, 2 thực hành)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Hiểu được vai trò của ngôn ngữ, của giao tiếp của học sinh khiếm thính.
- Vận dụng được các đặc điểm ngôn ngữ, phương thức giao tiếp vào quá trình hỗ trợ học sinh khiếm thính giao tiếp và học tập.

2. Phẩm chất

- Tôn trọng sự đa dạng ngôn ngữ và phương thức giao tiếp của học sinh khiếm thính;
- Sẵn sàng hỗ trợ học sinh khiếm thính trong giao tiếp và học tập.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Ngôn ngữ trong học tập của học sinh khiếm thính

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm học sinh khiếm thính và mức độ khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên nhận biết được một số đặc điểm chung về học sinh khiếm thính cấp Tiểu học.

Cách thức tiến hành:

- Học viên kể cho nhau nghe về con của mình: thông tin chung, quá trình nhận ra khuyết tật của học sinh, điểm mạnh của học sinh, khó khăn của học sinh trong đời sống gia đình và học tập.
- Nhóm thảo luận: 2-3 người, 1 người kể, học viên còn lại ngồi phác họa chân dung học sinh (bằng nét vẽ, sơ đồ, từ khóa) trên giấy A3. Sau đó, nhóm kể lại chân dung học sinh khiếm thính vừa phác họa được cho cả lớp.
- Sử dụng: giấy A3, bút lông, bút màu.



<https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/thong-tin-suc-khoe/nhi/giao-tiep-voi-tre-em-khiem-thinh>



Thông tin cơ bản

1. Khái niệm học sinh khiếm thính

Học sinh khiếm thính là những trẻ bị suy giảm sức nghe ở các mức độ khác nhau, dẫn đến khó khăn trong giao tiếp và ảnh hưởng đến quá trình nhận thức của trẻ [1].

Theo quan điểm giáo dục, khiếm thính gồm điếc và nghe kém. Điếc là tình trạng có khiếm khuyết về thính giác dẫn đến không thể nghe hiểu lời nói ở khoảng cách và cường độ âm thanh bình thường cho dù có dùng hay không dùng thiết bị trợ thính. Nghe kém cũng được dùng để chỉ người điếc nhưng vẫn có khả năng học ngôn ngữ nói [6].

2. Mức độ khiếm thính

Dựa vào mức độ suy giảm thính lực, người ta chia ra các mức độ khiếm thính khác nhau như sau:

Mức độ	Khả năng nghe
Mức I: Điếc nhẹ Mất thính lực từ 20-40 dB	Trẻ còn nghe được hầu hết những âm thanh nhưng không nghe được tiếng nói thầm.
Mức II: Điếc vừa Mất thính lực từ 41-70 dB	Trẻ có thể nghe được những âm thanh to, nhưng không nghe hết được tiếng nói chuyện bình thường.
Mức III: Điếc nặng Mất thính lực từ 71-90 dB	Trẻ chỉ nghe được tiếng nói to, sát tai.
Mức IV: Điếc sâu Mất thính lực trên 90 dB	Trẻ hầu như không nghe được trừ một số âm thanh to như tiếng sấm, tiếng trống to.

Hoạt động 2: Nhận biết đặc điểm ngôn ngữ viết trong học tập của học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên hiểu và trình bày được đặc điểm ngôn ngữ viết trong học tập của học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Học viên đọc và gạch dưới những lỗi sai của một đoạn văn trích từ một bài viết của học sinh khiếm thính, từ đó nêu lên những đặc điểm về ngôn ngữ viết của học sinh khiếm thính.
- Học viên đọc và phát hiện những lỗi sai/ khó khăn trong một đoạn văn ngắn từ bài viết học sinh khiếm thính.
- Giảng viên mời học viên trình bày phát hiện của mình, các học viên còn lại góp ý bổ sung.
- Giảng viên tổng hợp sau khi học viên đã góp ý.



Thông tin cơ bản

Đặc điểm ngôn ngữ viết của học sinh khiếm thính

Sử dụng ngôn ngữ viết trong học tập nghĩa là học sinh khiếm thính sẽ dùng khả năng đọc hiểu, viết, tiếp nhận và biểu đạt thông tin bằng tiếng Việt trong các hoạt động học tập và giao tiếp cũng như các hoạt động xã hội [4]. Ở người nghe việc tiếp thu ngôn ngữ nói thường đi trước việc tiếp thu ngôn ngữ viết; còn ở học sinh khiếm thính quá trình này thường diễn ra song song, đôi khi những kỹ năng ngôn ngữ viết tiếp thu nhanh hơn ngôn ngữ nói. Vì ngôn ngữ viết mặc dù khó nhưng chúng lại có một số ưu thế hơn so với ngôn ngữ nói, vì nó không đòi hỏi phải nghe mà tiếp nhận nhờ quan sát bằng mắt. Ngày nay, học sinh khiếm thính có nhiều yếu tố thuận lợi để tiếp nhận và lĩnh hội ngôn ngữ viết. Tuy nhiên, việc bị mất hoặc hạn chế thính lực cũng sẽ gây ra những khó khăn cơ bản trong quá trình học tập ngôn ngữ viết ở học sinh khiếm thính:

- Kỹ năng đọc thành tiếng: học sinh có nhiều khó khăn trong các kỹ năng đọc đúng, bao gồm các lỗi về phát âm, ngắt nghỉ đúng chỗ, đúng giọng, và đọc NNKH.
- Kỹ năng đọc hiểu: do những hạn chế trong kiến thức từ vựng và ngữ pháp, học sinh khiếm thính gặp nhiều khó khăn trong kỹ năng đọc hiểu văn bản. Thực tế cho thấy, đa phần học sinh khiếm thính có mức độ đọc hiểu kém, tuy nhiên vẫn có số ít

học sinh khiếm thính đạt mức độ đọc hiểu tương đương mức khá giỏi của học sinh nghe. Nghiên cứu “*ảnh hưởng của gia đình đến khả năng đọc hiểu của trẻ khiếm thính*” [3] cho thấy sự điều chỉnh của phụ huynh nhằm giúp học sinh khiếm thính, việc xây dựng môi trường giao tiếp tại gia đình, sự tham gia của phụ huynh vào quá trình giáo dục học sinh và nhắc nhở, yêu cầu của phụ huynh đối với việc học tập của học sinh khiếm thính là các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng đọc hiểu của học sinh. Chẳng hạn, phụ huynh của nhóm học sinh khiếm thính có khả năng đọc hiểu tốt thường tích cực tìm hiểu thông tin từ phụ huynh học sinh khiếm thính khác và từ giáo viên để giúp đỡ con mình. Hoặc họ cũng nắm rõ những tiến bộ và khó khăn của con khi học ở trường. Trong khi đó, nhóm phụ huynh của học sinh khiếm thính có khả năng đọc hiểu kém thường xuyên nói về tầm quan trọng của học tập đối với tương lai của con. Như vậy, việc bày tỏ mong đợi của phụ huynh không có ảnh hưởng rõ nét đến khả năng đọc hiểu của học sinh khiếm thính.

– Kỹ năng viết: Học sinh khiếm thính thường thể hiện các lỗi về sử dụng từ, ngữ pháp và cách cấu trúc bài trong khi viết, học sinh khiếm thính viết sai ngữ pháp, viết câu đơn, ý nghèo nàn. Học sinh khiếm thính trong khi viết thường dùng từ không đúng với nghĩa của từ, hoặc làm sai lệch các thành phần câu và từ. Đối với những mẫu câu đã học thì viết đúng ngữ pháp còn các mẫu câu mới thì thường viết ngược hoặc sai ngữ pháp.

Hoạt động 3: Nhận biết đặc điểm ngôn ngữ kí hiệu trong học tập của học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên nêu được những đặc điểm về ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Học viên xem đoạn phim về giao tiếp của học sinh khiếm thính.
- Học viên thảo luận việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính dựa trên các chi tiết đã xem.
- Giảng viên chốt ý sau khi học viên đã hoàn tất phân tích.



Thông tin cơ bản

Đặc điểm ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính

Bên cạnh việc sử dụng ngôn ngữ viết, học sinh khiếm thính còn sử dụng những phương tiện ngôn ngữ khác trong học tập. Trong đó ngôn ngữ kí hiệu là phương tiện

các em thường sử dụng. Ngôn ngữ kí hiệu là công cụ giao tiếp đặc trưng của người điếc, song muốn diễn đạt tốt bằng NNKH cũng phải học và hiểu cách sử dụng loại hình ngôn ngữ này.

Học sinh khiếm thính cấp Tiểu học ở Việt Nam với vốn kí hiệu ít ỏi, thường các em khó phân định ngôn ngữ kí hiệu và việc sử dụng nhiều cử chỉ điệu bộ trong việc trao đổi các nội dung học tập. Các em thường sử dụng nhiều kí hiệu tự phát kết hợp ngẫu nhiên với giao tiếp bằng cử chỉ điệu bộ để diễn đạt ý nghĩa của kí hiệu. Tuy nhiên, không phải ai cũng có thể hiểu nghĩa của những kí hiệu tự phát đó bởi vì tính hạn hẹp của các kí hiệu tự phát. Để thể hiện được nhiều nội dung trong giao tiếp và học tập, học sinh khiếm thính thường bắt chước kí hiệu lẫn nhau, dẫn đến thiếu sự chính xác và khó hiểu trong việc truyền đạt. Do đó, học sinh khiếm thính thường gặp khó khăn trong việc giao tiếp trong thời gian đầu tham gia vào quá trình học tập tại trường.

Về ngữ pháp, học sinh khiếm thính tiểu học có xu hướng dùng kí hiệu riêng lẻ, không tạo thành câu và sai ngữ pháp ngôn ngữ kí hiệu qui ước. Tuy nhiên, các em lại có khả năng thích ứng và hiểu ứng học tập tốt nên trong môi trường học đường, các em sẽ dễ dàng nắm bắt các qui ước ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam, ít nhầm lẫn giữa kí hiệu tự phát và kí hiệu qui ước.

Hoạt động 4: Tìm hiểu vai trò của các hình thức ngôn ngữ trong học tập của học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên nhận biết ngôn ngữ là chất liệu để các quá trình nhận thức diễn ra ngôn ngữ viết và NNKH tham gia vào mọi quá trình học tập của học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Học viên giải bài toán: 1 con vịt + 2 con vịt = ? (đáp án: 3 con vịt) trong 2 tình huống: có sử dụng ngôn ngữ và chỉ dùng cử chỉ điệu bộ.
- Mỗi nhóm 2 học viên, nhận đề toán với 2 yêu cầu khác nhau:
 - + Nhóm 1: Học viên 1 đọc đề cho học viên 2 giải toán trong 2 phút.
 - + Nhóm 2: Học viên 1 nhìn đề và diễn tả đề toán bằng cử chỉ, điệu bộ cho học viên 2 giải toán trong 2 phút.
- Giảng viên mời học viên trong lớp nhận xét về thời gian làm bài, kết quả và đưa ra kết luận.



Thông tin cơ bản

Ngôn ngữ có vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của con người. Nhờ sự tham gia của ngôn ngữ vào việc tổ chức, điều chỉnh các hoạt động tâm lí mà tâm lí của con người mang tính mục đích, tính xã hội và tính khái quát cao. Ngoài chức năng là công cụ của giao tiếp, ngôn ngữ còn là công cụ của tư duy và có ảnh hưởng quan trọng tới toàn bộ hoạt động nhận thức của con người.

Nhu cầu giao tiếp của con người là điều kiện cần để phát sinh ngôn ngữ. Kết quả tư duy được ghi lại bởi ngôn ngữ. Ngay từ khi xuất hiện, tư duy đã gắn liền với ngôn ngữ và được thực hiện thông qua ngôn ngữ. Ở thời kì sơ khai, tư duy được hình thành thông qua hoạt động vật chất của con người và từng bước được ghi lại bằng các kí hiệu từ đơn giản đến phức tạp, từ đơn lẻ đến tập hợp, từ cụ thể đến trừu tượng. Hệ thống các kí hiệu đó thông qua quá trình xã hội hóa và trở thành ngôn ngữ.

Sự ra đời của ngôn ngữ đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của tư duy và tư duy cũng bắt đầu phụ thuộc và ngôn ngữ. Các nghiên cứu cho thấy trong quá trình tư duy của học sinh khiếm thính, ngôn ngữ điệu bộ là phương tiện giúp học sinh nhận thức thế giới xung quanh. Với học sinh khiếm thính, hành vi của các em có tính hợp lí, có suy nghĩ hình thành trên những cơ sở hình tượng cụ thể, những biểu tượng, những tri giác nảy sinh nhờ các cơ quan cảm giác. Như vậy, quá trình tư duy của học sinh khiếm thính có sự tham gia của ngôn ngữ điệu bộ. Thêm nữa, khi học sinh khiếm thính học các chiến lược tư duy và ngôn ngữ trong trường học tức là học sinh được học về nền tảng phát triển ngôn ngữ và vốn từ vựng của học sinh phát triển tương ứng với sự gia tăng của vốn kí hiệu, ngôn ngữ điệu bộ của mỗi học sinh.

Theo khuyến cáo của Liên hiệp quốc và Liên đoàn người điếc thế giới thì ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ mẹ đẻ của người điếc và nên được sử dụng trong những mô hình giáo dục của người điếc. Tác giả Cummings cho rằng “ngôn ngữ kí hiệu là công cụ, suy nghĩ giải quyết vấn đề và làm cho học sinh có khả năng thiết lập quan hệ với người khác và tiếp cận được thế giới tư duy” [7]. Vì vậy, việc phát triển ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính ngay từ nhỏ là điều rất quan trọng, để học sinh có khả năng thiết lập quan hệ với người khác và phát triển tư duy.

2. Giao tiếp của học sinh khiếm thính

Hoạt động 5: Xác định các phương thức giao tiếp của học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên nhận biết được các phương thức giao tiếp của học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Học viên xem đoạn phim ngắn.
- Trả lời các câu hỏi nhanh dưới dạng **có - không** dựa trên các chi tiết đã xem trong đoạn phim ngắn.
- Giảng viên tổng hợp sau khi học viên đã hoàn việc trả lời câu hỏi.

Câu hỏi trắc nghiệm

STT	Câu hỏi	Có	Không
1	Giao tiếp bằng cử chỉ điệu bộ		
2	Giao tiếp bằng chữ cái ngón tay		
3	Giao tiếp bằng lời		
4	Giao tiếp bằng cách viết ra giấy		
5	Giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu		
6	Giao tiếp bằng cử chỉ điệu bộ và chữ viết		
7	Giao tiếp tổng hợp bằng nhiều phương tiện		
8	Chỉ sử dụng cử chỉ điệu bộ khi giao tiếp		



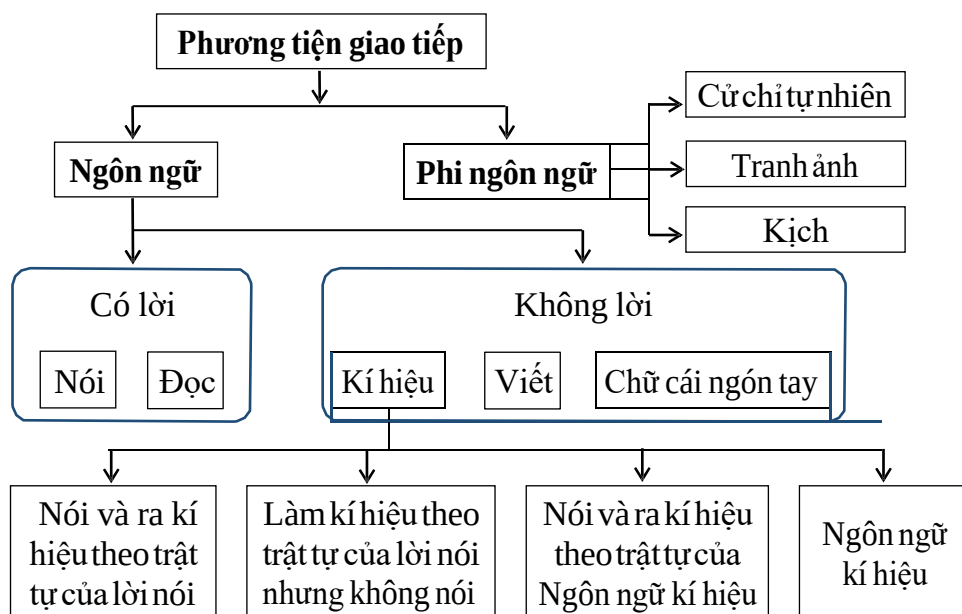
Thông tin cơ bản

Giao tiếp luôn luôn tồn tại trong xã hội loài người. Hoạt động giao tiếp của con người bao gồm 2 quá trình tiếp nhận và truyền đạt thông tin. Khi tiếp nhận thông tin thì thị giác và thính giác đóng vai trò chủ đạo. Khi truyền đạt thông tin, chúng ta có thể sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết, kí hiệu, hình vẽ, cử chỉ điệu bộ tự nhiên, ... Như vậy, có thể thấy trong hoạt động giao tiếp chúng ta thường sử dụng cả ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

Tồn thương về cơ quan thính giác đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc tiếp nhận và phát triển ngôn ngữ nói của học sinh khiếm thính. Học sinh khiếm thính gặp nhiều khó khăn trong việc bắt đầu một cuộc giao tiếp hoặc học sinh thường rụt rè, ảm ngại trong hoạt động này. Theo các nghiên cứu về ngôn ngữ trên thế giới thì lời nói, chữ viết, kí hiệu ngôn ngữ... được sử dụng trong giao tiếp và học tập đều là ngôn ngữ. Học sinh khiếm thính khi giao tiếp và học tập các em sử dụng phi ngôn ngữ để biểu cảm (cử chỉ, nét mặt, cơ thể...) và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để giao tiếp trong cộng đồng người điếc và tiếp thu tri thức của xã hội. Học sinh khiếm thính không sử dụng đơn nhất một phương tiện giao tiếp mà kết hợp nhiều phương tiện với nhau. Tùy thuộc vào khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp mà học sinh có cách thức giao tiếp khác nhau, như:

- Học sinh khiếm thính đã được đi học có thể sử dụng chữ cái ngón tay làm phương tiện giao tiếp với mọi người.
- Sử dụng Ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ đặc thù giao tiếp chủ yếu trong cộng đồng người điếc.
- Học sinh có ngôn ngữ viết thường dùng chữ viết làm phương tiện giao tiếp với người khác.

Thực tế kết quả nghiên cứu sự phát triển khả năng giao tiếp của học sinh khiếm thính trên thế giới đã khẳng định: dù học sinh có thể bị điếc bẩm sinh nhưng học sinh vẫn sự phát triển khả năng giao tiếp cùng với có khả năng lĩnh hội những kỹ năng làm dấu, đánh vần bằng tay, lời nói và viết. Việc lĩnh hội và phát triển các phương tiện giao tiếp đó ở học sinh khiếm thính, dù là khi học sinh chưa có ngôn ngữ, có thể tiến hành theo quá trình như sau:



Sơ đồ phương tiện giao tiếp

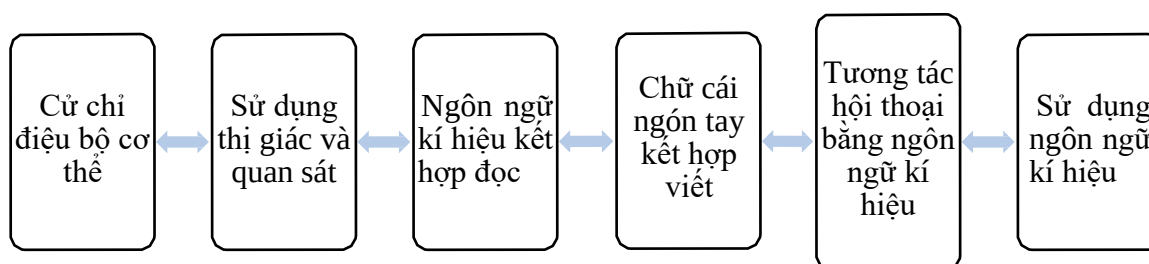
Đối với một học sinh khiếm thính nhỏ tuổi, học sinh có thể phát triển và lĩnh hội cả tiếng nói và ngôn ngữ kí hiệu. Dù sử dụng mã ngôn ngữ nào thì điệu bộ tự nhiên là phương tiện đầu tiên học sinh sử dụng để giao tiếp và hỗ trợ học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ. Việc sử dụng ngôn ngữ nào tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố mà chủ yếu là từ nhu cầu, khả năng của bản thân học sinh. Nhưng thực tế giao tiếp của học sinh khiếm thính cho thấy ngôn ngữ hiệu quả và nhanh chóng hơn chính là ngôn ngữ kí hiệu. Các phương thức giao tiếp trong học tập của học sinh khiếm thính gồm:

- Giao tiếp thông qua ngôn ngữ kí hiệu: là ngôn ngữ đặc thù của người điếc, học sinh khiếm thính sử dụng để giao tiếp với nhau, phát triển các cuộc hội thoại, học

tập và tiếp cận các thông tin một cách dễ dàng trong cộng đồng người điếc đang sinh sống ở các quốc gia khác nhau trên thế giới. Ngôn ngữ kí hiệu được sử dụng tập trung nhiều vào kênh thị giác. Vì vậy, nó dễ dàng chia sẻ cho học sinh khiếm thính, người điếc hoặc người nghe sử dụng ngôn ngữ này để giao tiếp với học sinh khiếm thính.

– Giao tiếp thông qua kí hiệu theo cấu trúc ngôn ngữ viết: cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu khác biệt hoàn toàn với cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt. Do vậy, khi viết chính tả hoặc viết văn, học sinh khiếm thính thường viết sai ngữ pháp tiếng Việt hoặc chỉ viết đúng ngữ pháp tiếng Việt các mẫu câu đã được học. Do đó, cần sử dụng kí hiệu theo cấu trúc ngữ pháp ngôn ngữ viết trong quá trình dạy học sinh khiếm thính học tiếng Việt kết hợp với giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu để tăng cường trao đổi hiệu quả nội dung bài học.

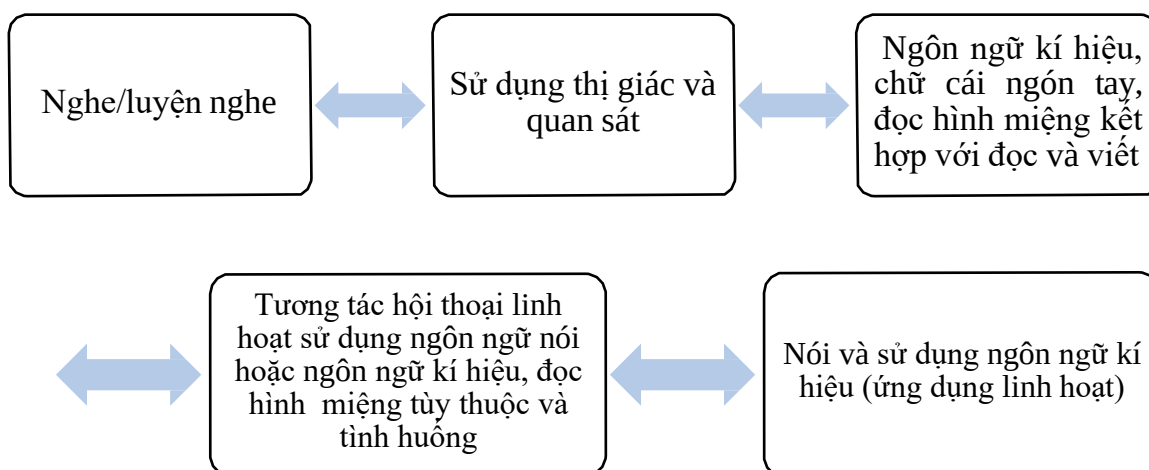
Phương pháp sử dụng ngôn ngữ dấu Sign Bilingualism



(<https://nhomhotrosite.wordpress.com>)

– Giao tiếp tổng hợp: là phương pháp sử dụng linh hoạt và tổng hợp các phương pháp như nghe, nói, ngôn ngữ kí hiệu, dùng chữ cái ngón tay, điệu bộ, đọc hình miệng, để giúp cho học sinh khiếm thính có thể giao tiếp và học tập.

Phương pháp tổng hợp Total - communication



(<https://nhomhotrosite.wordpress.com>)

Tất cả các phương thức tiếp cận phát triển giao tiếp dành cho học sinh khiếm thính đều có giá trị đối với học sinh. Gia đình học sinh khiếm thính ứng dụng các phương pháp này như là sự hỗ trợ việc thúc đẩy quá trình phát triển ngôn ngữ và tiếp cận giáo dục cho học sinh. Hầu hết các phương pháp đều thực hiện một cách tự nhiên không áp đặt. Tất cả đều có thể được ứng dụng như là một thủ thuật cho học sinh, dựa trên mức độ mất thính lực và khả năng sẵn có của học sinh, nên nhớ không có bất cứ một phương pháp nào là tốt nhất cho học sinh này, mà lại xấu cho học sinh khác, đặc biệt là đối với học sinh khiếm thính. Phương thức tiếp cận nào mà gia đình quyết định chọn lựa cho học sinh khiếm thính, đều phụ thuộc vào sự tham gia tích cực, lòng kiên trì của phụ huynh khi áp dụng cho con, để đạt tới mức thành công. Một phương thức tiếp cận phát triển giao tiếp được cho là tốt nhất khi có được sự kết hợp chặt chẽ giữa học sinh và ba mẹ, có được sự đồng thuận, thống nhất của các thành viên khác trong gia đình về văn hoá, thông tục tập quán của mỗi gia đình đặc biệt phương thức ấy cũng phải đảm bảo tính tôn trọng học sinh, giúp học sinh có cơ hội phát triển riêng, giúp học sinh thiết lập được những mối quan hệ tốt trong gia đình, đây cũng là nền tảng giúp học sinh lĩnh hội được những kỹ năng giao tiếp và học tập trong cuộc sống.

Hoạt động 6: Tìm hiểu vai trò của các phương thức giao tiếp của học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên nhận ra tầm quan trọng của các phương thức giao tiếp với học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

Viết lại câu văn mà học viên dùng các cơ quan khác nhau trong cơ thể diễn tả câu: “Nhận được quà, em bé vui ơi là vui!”.

- Học viên 1: không thể hiện bằng kí hiệu, chỉ dùng cử chỉ, điệu bộ diễn tả câu văn.
- Học viên 2: dùng tổng hợp các kênh như môi, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, chuyển động, kí hiệu để diễn tả câu văn.
- Các học viên còn lại quan sát và viết lại câu văn.
- Sử dụng: bảng, viết, câu văn.



Thông tin cơ bản

Hiệu quả của giao tiếp bằng ngôn ngữ nói như thế nào hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng tham gia của các cơ quan trong cơ thể vào việc giao tiếp. Ở đây, để tạo nên hiệu quả của giao tiếp cần có sự phối, kết hợp của tất cả các giác quan được đặt dưới sự chỉ huy của bộ não. Việc giao tiếp bằng ngôn ngữ nói là hình thức phổ biến nhất trong các hình thức đang tồn tại trong xã hội. Nhưng trong giao tiếp của người khiếm thính nói chung, học sinh khiếm thính nói riêng, các phương tiện giao tiếp phi thanh âm được sử dụng tích cực, đó là kí hiệu ngôn ngữ, cử chỉ điệu bộ, hình ảnh.

Học sinh khiếm thính cũng giống như tất cả trẻ em khác đều có thể học giao tiếp. Dù với mức độ thính giác khác nhau, học sinh vẫn có thể giao tiếp bằng cách sử dụng cử chỉ, kí hiệu gia đình, ngôn ngữ kí hiệu hoàn chỉnh, đọc hình miệng và nói. Một số học sinh dù nghe được rất ít cũng sẽ có thể nói và đọc hình miệng. Trong khi đó, những học sinh khác giao tiếp hiệu quả nhất bằng cách dùng ngôn ngữ kí hiệu. Học sinh điếc càng nhỏ học ngôn ngữ kí hiệu càng dễ dàng và tự nhiên - cũng như học sinh nghe học ngôn ngữ nói.

Giao tiếp dùng ngôn ngữ kí hiệu [5]

Vai trò người nói		Người nghe	
Dụng cụ khi vào	Phương tiện	Dụng cụ khi ra	Phương tiện
Mắt	Ngôn ngữ kí hiệu Cử chỉ tự nhiên Kí hiệu mẫu tự Nét mặt Đọc hình miệng	Bàn tay	Bằng ngôn ngữ kí hiệu Bằng cử chỉ tự nhiên Bằng kí hiệu mẫu tự
Tai	Mang máy trợ thính Sự phát triển phần thính lực còn lại	Miệng	Bằng lời

Để có cảm giác tích cực về bản thân và có cảm giác được thuộc về, trẻ điếc cần được gặp gỡ nhau và gặp cả người lớn điếc. Có thể sử dụng người điếc trong cộng đồng để dạy ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh.

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

- Mô tả đặc điểm ngôn ngữ của học sinh khiếm thính.

- Minh họa vai trò của ngôn ngữ trong học tập của học sinh khiếm thính.
- Liệt kê các phương thức giao tiếp trong học tập của học sinh khiếm thính.
- Trình bày vai trò của giao tiếp trong học tập của học sinh khiếm thính.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dự án phát triển giáo viên tiểu học) (2006), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
2. Lê Thị Minh Hà, Dong-Young Chung (2013), *Nhập môn Giáo dục đặc biệt*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Lê Thị Hương, Đỗ Long Giang (2016), Ảnh hưởng của gia đình đến khả năng đọc hiểu của trẻ khiếm thính, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt, trang 143-145.
4. Lê Văn Tạc (2010), Chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khiếm thính ở cấp tiểu học, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Số 54, trang 25.
5. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2005), *Đại cương giáo dục học sinh khiếm thính*, NXB Đại học Sư phạm.
6. Nguyễn Thị Hoàng Yến (chủ biên), Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho, Đỗ Nghiêm Thanh Phương, Đinh Nguyễn Trang Thu (2012), *Giáo dục đặc biệt và những thuật ngữ cơ bản*, NXB Đại học Sư phạm.
7. Sandy Niemann, Devorah Greenstein, Darlena David (người dịch: Đặng Thị Thực An, Đinh Bích Hạnh, Nguyễn Thị Cẩm Hương) (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, NXB Lao động - Xã hội.
8. V.A.Shinhiak, M.M.Nudenman (1999), *Những đặc điểm sự phát triển tâm lí của trẻ điếc*, NXB Chính trị Quốc gia.

Chủ đề 2. Ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam - Hướng dẫn cách tự học và xây dựng môi trường giao tiếp tại gia đình thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Số tiết: 13 (6 lí thuyết, 7 thực hành)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Biết được vai trò của ngôn ngữ kí hiệu trong giao tiếp của học sinh khiếm thính;
- Minh họa được các kí hiệu cơ bản theo hướng dẫn và tự học được ngôn ngữ kí hiệu;
- Vận dụng để xây dựng được môi trường giao tiếp tại gia đình thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

2. Phẩm chất

- Tôn trọng việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính;
- Tích cực học hỏi để nâng cao năng lực ngôn ngữ kí hiệu của bản thân.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Những vấn đề chung về NNKH

Hoạt động 1: Tìm hiểu Văn hóa của cộng đồng người Điếc

Yêu cầu cần đạt:

Học viên trình bày lại được các nội dung cơ bản liên quan đến văn hoá của cộng đồng người Điếc.

Cách thức tiến hành:

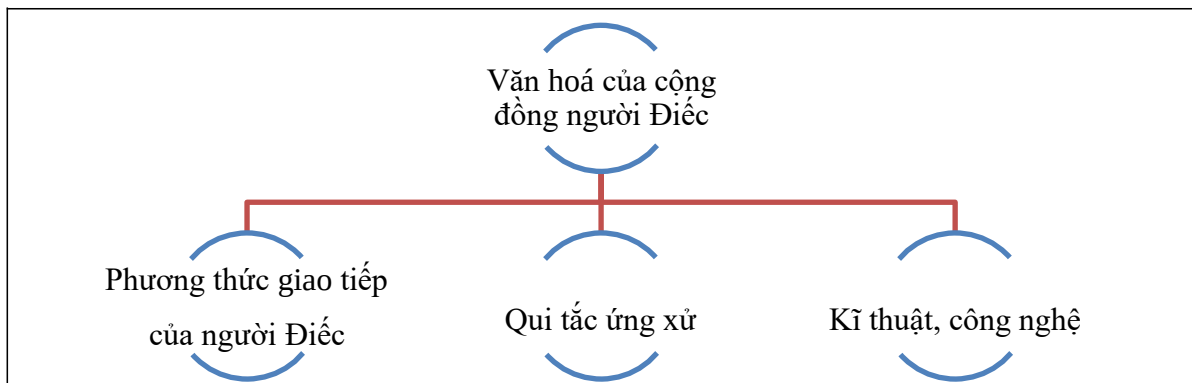
- Giảng viên phân nhóm (5-7 người), nêu nội dung cần tìm hiểu: Văn hóa của cộng đồng người Điếc có những đặc trưng nào?
- Yêu cầu theo dõi video, ghi chú sau đó thảo luận nhóm để cùng xác định đâu là những nét đặc trưng của văn hóa cộng đồng người Điếc?
- Các nhóm dán kết quả lên bảng và đại diện nhóm trình bày.
- Giảng viên ghi nhận, chốt lại những ý chính xác; đánh giá tinh thần các nhóm.



Thông tin cơ bản

Văn hóa của cộng đồng người Điếc:

Những nét đặc trưng cơ bản của văn hóa Điếc:



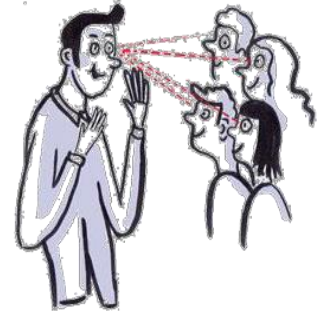
1. Phương thức giao tiếp của người Điếc

Để tạo nên một nền văn hoá yếu tố quan trọng nhất và không thể thiếu đó là ngôn ngữ. Cộng đồng người Điếc có nền văn hoá riêng và sử dụng ngôn ngữ rất đặc trưng để giao tiếp đó là ngôn ngữ kí hiệu. Ngôn ngữ kí hiệu được tiếp nhận bằng mắt và thể hiện bằng tay, cử chỉ, điệu bộ (nghe bằng mắt – nói bằng tay).



Ngoài việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để giao tiếp trong cộng đồng người Điếc còn có nhiều phương thức giao tiếp khác, phổ biến hiện nay là:

- Giao tiếp thông qua phiên dịch viên ngôn ngữ kí hiệu trong những tương tác giữa người điếc và người nghe không biết ngôn ngữ kí hiệu.



- Giao tiếp bằng chữ viết, cử chỉ điệu bộ khi người điếc giao tiếp trực tiếp với người nghe mà không có phiên dịch.

2. Các quy tắc ứng xử cơ bản trong giao tiếp

- Duy trì ánh mắt: người điếc sẽ ngừng tương tác ngay lập tức nếu thấy ánh mắt của người đối diện nhìn đi chỗ khác. Họ cho rằng, đó là biểu hiện của việc người kia không thích hoặc không muốn tiếp tục giao tiếp.

- Khoảng cách giao tiếp: khoảng cách một cánh tay khi giao tiếp trực tiếp sẽ khiến hai người giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu cảm thấy thoải mái và dễ quan sát lẫn nhau.



- Để bắt đầu giao tiếp hoặc gây sự chú ý: tùy vào tình huống họ đi đến và đứng trước mặt, chạm nhẹ vào vai, hươ tay trước tầm mắt, ném vật nhẹ, chiếu đèn để gây chú ý, nhờ



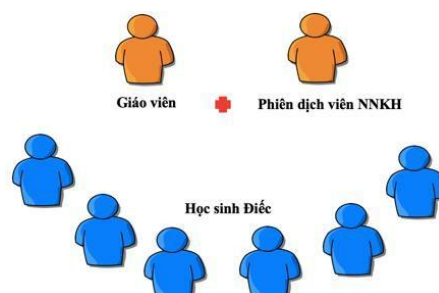
người gọi hộ, gọi chính xác tên kí hiệu của người đó,... Những hành động như gọi to, đập mạnh, ném vật nặng,... được xem là thô lỗ trong cách ứng xử của cộng đồng người Điếc.

– Kí hiệu “to”: với khoảng cách xa để đối phương có thể nhìn thấy, người điếc sẽ kí hiệu vượt khỏi khung qui định để người kia dễ nhìn thấy và dùng nhiều cử chỉ điệu bộ.

– Khi 2 người ở 2 địa điểm khác nhau muốn giao tiếp thì người điếc thường nhắn tin, gửi tin nhắn đa phương tiện hoặc gọi bằng video.

– Sắp xếp vị trí: hình chữ U trong lớp học hoặc các buổi giao lưu, sinh hoạt để tất cả mọi người đều quan sát được toàn bộ thông tin.

– Cách gọi tên: đặt và sử dụng **tên kí hiệu** dựa vào những đặc điểm riêng dễ nhìn thấy của từng người như: nốt ruồi, vết sẹo, mái tóc,...



3. Kỹ thuật, công nghệ người Điếc thường dùng

Tên kĩ thuật	Mục đích	Hình minh họa
Cuộc gọi video trên máy tính hoặc điện thoại	Giao tiếp từ xa bằng ngôn ngữ kí hiệu	
Chuông đèn	Báo hiệu có người	
Báo hiệu bằng đèn chiếu hoặc chế độ rung	Dùng để báo thức, báo có cuộc gọi trên điện thoại	
Dịch vụ phiên dịch ngôn ngữ kí hiệu	Giao tiếp với người nghe không biết ngôn ngữ kí hiệu	

Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Các nhóm trao đổi “như thế nào là Ngôn ngữ kí hiệu?” và lần lượt trình bày ý kiến của nhóm.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên phân nhóm (5-7 người), cùng thảo luận nội dung: thế nào là ngôn ngữ kí hiệu?
- Đại diện các nhóm trình bày
- Giảng viên ghi nhận, chốt lại những ý chính xác.



Thông tin cơ bản

Ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ sử dụng hình dạng bàn tay, chuyển động cơ thể, cử chỉ, điệu bộ và sự thể hiện trên khuôn mặt để trao đổi kinh nghiệm, suy nghĩ, nhu cầu và cảm xúc. (Sandy Niemann, 2006)

Hoạt động 3: Các yếu tố cấu thành một kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên biết và nhớ được các thành tố của 1 kí hiệu.
- Phân tích được một số kí hiệu theo các thành tố cấu thành.
- Hiểu được sự quan trọng của từng thành tố trong 1 kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên ghi lên bảng tên 5 thành tố của kí hiệu.
- Giảng viên thực hiện chậm 2-3 kí hiệu (hoặc có thể mở video danh mục từ, quan sát cách thực hiện một số kí hiệu), phân tích để thấy các thành tố tạo thành kí hiệu đó.
- Học viên quan sát để thấy được các yếu tố sự khác nhau về nghĩa của kí hiệu khi một trong các thành tố thay đổi.
- Các nhóm thực hành với 3 kí hiệu, cùng phân tích các yếu tố cấu thành kí hiệu đó.



Thông tin cơ bản

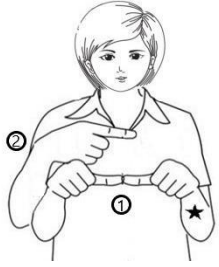
Các thành tố cấu thành kí hiệu ngôn ngữ:

Có năm thành tố cấu thành một kí hiệu ngôn ngữ (vị trí làm kí hiệu, hình dạng

bàn tay, chuyển động của tay, chiều hướng của bàn tay và diễn tả không bằng tay) khi biểu đạt chỉ cần khác một thành tố thì kí hiệu đã mang một ngữ nghĩa khác.

1. Vị trí làm kí hiệu

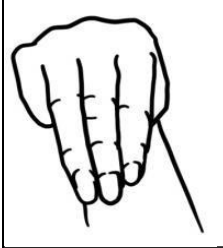
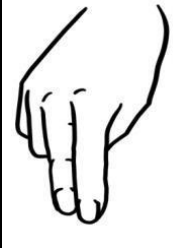
Bất kì kí hiệu nào cũng đều xuất phát từ một trong 17 vị trí thuộc các vùng trên cơ thể, đó là: đầu, trán, mắt, mũi, tai, má, miệng, cằm, cổ, bên trái ngực, bên phải ngực, chính giữa ngực, vùng bụng, cánh tay, khuỷu tay (cùi chỏ), lòng bàn tay và lưng bàn tay. Với sự định vị này, chỉ cần vị trí của tay thay đổi thì nghĩa của kí hiệu lập tức thay đổi.

Hình kí hiệu				
Tên kí hiệu	mẹ	ba/bố	tôi	hiệu (môn toán)
Vị trí	trên má	trên cằm	chạm ngực	khoảng không trước ngực

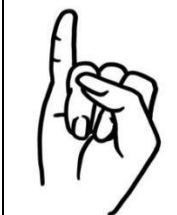
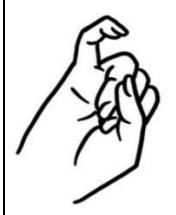
2. Hình dạng bàn tay

Cấu hình là những hình thái khác nhau của bàn tay khi thực hiện kí hiệu: số ngón tay, độ mở của lòng bàn tay, độ mở của các ngón tay. Chỉ cần một chi tiết khác sẽ dẫn đến một nghĩa hoàn toàn khác.

Hoặc cách thực hiện các chữ cái ngón tay: số lượng, chiều hướng, độ lệch giữa các ngón tay, sẽ qui định nhiều chữ cái khác nhau.

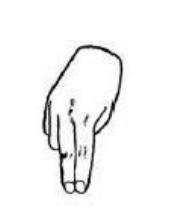
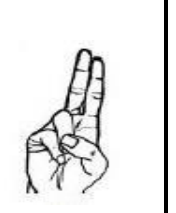
Hình kí hiệu				
Tên kí hiệu	Chữ M	Chữ N	Chữ U	Chữ V
Hình dạng bàn tay giống nhau	Số lượng 3 ngón tay khép vào nhau	Số lượng 2 ngón tay khép vào nhau	Ngón giữa và ngón trỏ thẳng khép chặt nhau	Ngón giữa và ngón trỏ thẳng nhưng tách rộng ra

Hoặc cùng các ngón tay và số ngón tay nhưng hình dạng khác nhau thì kí hiệu cũng mang một ý nghĩa khác hẳn:

Hình kí hiệu				
Tên kí hiệu	Chữ I	Dấu móc	Dấu mũ	Chữ V
Hình dạng bàn tay giống nhau	Ngón út chỉ thẳng	Ngón út cong	Ngón giữa và ngón trỏ cong	Ngón giữa và ngón trỏ thẳng

3. Chiều hướng của tay

Định hướng để xác định chiều hướng bàn tay: Lòng bàn tay quay xuống hay hướng lên? Hai lòng bàn tay hướng vào nhau không? Các cánh tay nằm ngang, thẳng đứng hay theo chiều riêng? Xác định những định hướng này là điều cốt yếu để phân biệt một số kí hiệu.

Hình kí hiệu				
Tên kí hiệu	N	U	hô hấp	hương thơm
Chiều hướng của tay	đầu ngón tay hướng xuống	đầu ngón tay hướng lên	lòng bàn tay hơi ngửa	lòng bàn tay hướng vào người

4. Sự chuyển động của tay

Liên quan đến sự chuyển động của cánh tay, cổ tay, những ngón tay hay hai bàn tay, cùng những yếu tố khác như sự lặp lại động tác, mức độ căng thẳng cơ bắp, sự rung chuyển các ngón tay, mở ra hoặc đóng lại bàn tay, xoay tròn cổ tay... Bàn tay nắm lại hay mở ra? Tay chuyển động: ra phía trước hay sau? Xoay tròn, vòng cung hay bắt chéo? Chuyển động bằng một tay hay cả hai tay. Hai tay chuyển động lại gần nhau, hai tay chuyển động ra xa nhau.

Hình kí hiệu				
Tên kí hiệu	N	U	hô hấp	hương thơm
Chiều hướng của tay	đầu ngón tay hướng xuống	đầu ngón tay hướng lên	lòng bàn tay hơi ngửa	lòng bàn tay hướng vào người

5. Sự diễn tả không bằng tay

Sự diễn tả không bằng tay là những điệu bộ, cử động hay nét mặt diễn ra đồng thời với kí hiệu ở tay.

Cụ thể ở nét mặt đó là: chân mày chau lại hoặc nhướng lên; mắt mở to hay nheo lại; hướng nhìn của mắt; má phồng hay tóp; miệng mở hay đóng; môi chu tròn (thể hiện sự ngạc nhiên), môi chúm lại, trề môi hay bặm môi, ... nhếch môi; hai hàm răng cắn lại, răng cắn môi, vai: nhướng hay rút vai, đầu: gật hay lắc đầu, nghiêng đầu, nghiêng mặt,... Người khiếm thính sử dụng những biểu cảm trên khuôn mặt là khi họ muốn diễn tả mức độ của vấn đề.

Hình kí hiệu		
Tên kí hiệu	Hạt	Hiếm
Sự diễn tả không bằng tay	mặt bình thường	chau chân mày, nheo mắt

Do đó, sự biểu cảm nét mặt và cử chỉ cơ thể (ngoài tay) giữ vai trò rất quan trọng trong sự tạo ra một kí hiệu riêng rẽ đối với ngữ cảnh, nhằm phân biệt cùng cách thực hiện kí hiệu hoàn toàn như nhau, nhưng nét mặt biểu cảm khác nhau thì nghĩa của kí hiệu sẽ khác.

Tóm lại, nắm được các thành tố cấu thành kí hiệu người ta có thể nhận dạng, phân biệt các kí hiệu một cách nhanh chóng; người học kí hiệu sẽ nhanh hơn, ghi nhớ được lâu hơn và thực hành được chính xác hơn khi thực hiện giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu.

Hoạt động 4: Thực hành Làm theo tôi

Yêu cầu cần đạt:

Thực hiện một số kí hiệu giao tiếp trong gia đình (kí hiệu chỉ người, kí hiệu chỉ hành động, kí hiệu về thực vật, kí hiệu về động vật, kí hiệu chỉ đồ vật, kí hiệu chỉ nơi chốn, kí hiệu về thời gian, ...).

Cách thức tiến hành:

- Phân nhóm, mỗi nhóm nhận 1 chủ đề và liệt kê những từ ngữ thuộc từng chủ đề, sau đó xác định kí hiệu của những từ ngữ đó.
- Mời từng nhóm trình bày các kí hiệu cho cả lớp làm theo
- Các học viên khác bổ sung vốn kí hiệu cho từng chủ đề.
- Giảng viên quan sát cách thực hiện kí hiệu để chỉnh sửa, đồng thời gợi ý bổ sung vốn kí hiệu cần thiết.

Hoạt động 5: Sử dụng chữ cái ngón tay

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu cách sử dụng chữ cái ngón tay trong giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu.
- Học viên biết vận dụng giao tiếp bằng chữ cái ngón tay.
- Nắm được cách kí hiệu các chữ số (số thứ tự, số lượng) trong ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên giới thiệu bảng Chữ cái ngón tay Việt Nam.
- Hướng dẫn học viên thực hiện một số chữ cái và chữ số.
- Học viên giới thiệu với người bên cạnh họ tên và tuổi bằng chữ cái ngón tay.
- Hướng dẫn cách kí hiệu các chữ số trong ngôn ngữ kí hiệu.



Thông tin cơ bản

1. Khái niệm: Bảng Chữ cái ngón tay là tập hợp các kí hiệu dùng bàn tay để biểu đạt cho những kí tự đơn lẻ của hệ thống chữ viết và chữ số được sử dụng bởi người điếc.

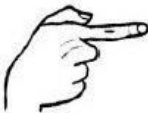
2. Cách sử dụng: Các từ có thể được đánh vần bằng các kí hiệu chữ cái đó. Việc sử

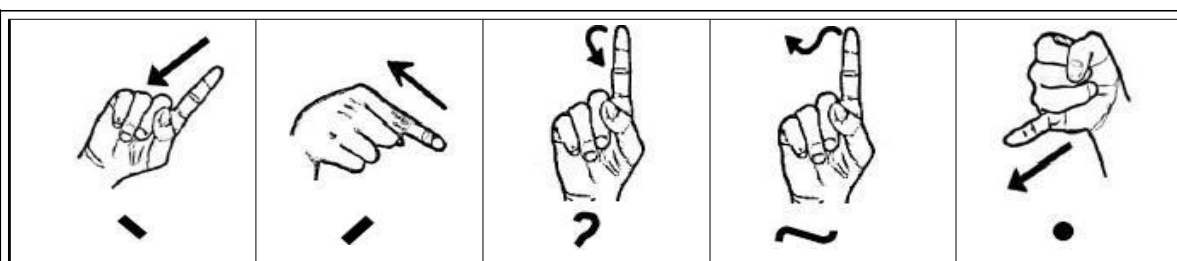
dụng các động tác tay để đánh vần các từ thực sự đóng vai trò là cầu nối giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ của người điếc. Nhưng chính tả ngón tay không thể được sử dụng để thay thế cho ngôn ngữ kí hiệu. Do sử dụng hình thức này mất nhiều thời gian và công sức, lượng thông tin thu nhận hạn chế, nên người điếc không sử dụng riêng biệt để giao tiếp mà dùng kết hợp cùng kí hiệu hoặc lời nói trong những trường hợp như sau:

- đánh vần tên của người hoặc các từ không có kí hiệu tồn tại;
- đánh vần tên địa điểm, nơi chốn, tên sách, tên phim;
- đánh vần tên các tiêu đề và nhãn hiệu sản phẩm.

Trong một số trường hợp, học sinh khiếm thính không phân biệt được qua nghe và đọc hình miệng thì chữ cái ngón tay là cách hỗ trợ duy nhất giúp học sinh nhận biết các từ này.

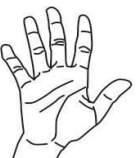
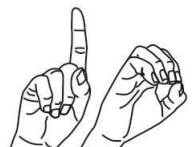
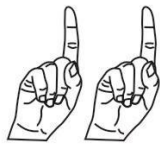
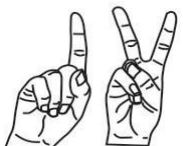
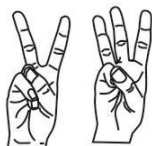
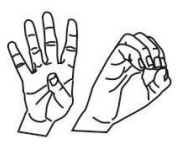
BẢNG CHỮ CÁI NGÓN TAY

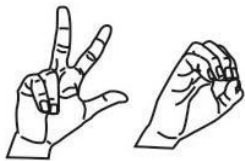
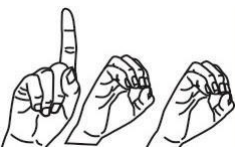
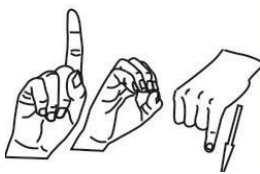
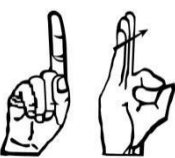
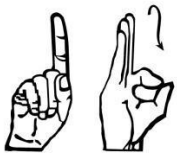
					
A	b	c	d	đ	e
					
g	h	i	k	l	m
					
n	o	p	q	r	s
					
t	u	v	x	y	
	 $\text{ã} = \text{a} + \text{~}$			 $\text{ư} = \text{u} + \text{'}$ $\text{ơ} = \text{o} + \text{'}$	
$\hat{\text{a}} = \text{a} + \text{^}$ $\hat{\text{e}} = \text{e} + \text{^}$ $\hat{\text{o}} = \text{o} + \text{^}$					



Việc sử dụng chữ cái ngón tay đa dạng trong quá trình dạy học giúp tăng vốn từ vựng cho học sinh khiếm thính. Đồng thời tăng cường mối liên kết giữa chữ cái ngón tay và chữ viết khi học đọc, giúp quá trình nhận diện từ, hiểu nghĩa từ và hiểu được nội dung văn bản nhanh hơn.

BẢNG CHỮ SỐ

 0 không	 1 một	 2 hai	 3 ba
 4 bốn	 5 năm	 6 sáu	 7 bảy
 8 tám	 9 chín	 10 mười	 11 mười một
 12 mười hai	 23 hai mươi ba	 33 ba mươi ba	 40 bốn mươi

			
80 tám mươi	90 chín mươi	100 một trăm	1.000 một nghìn
			
5.000 năm nghìn	10.000 mười nghìn	1.000.000 một triệu	1.000.000.000 một tỉ

Hoạt động 6: Các cách sử dụng ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên phân biệt được hai cách thức giao tiếp.
- Học viên vận dụng để thực hành giao tiếp.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên chiếu 2 video giao tiếp với học sinh khiếm thính.
- Các học viên quan sát và thảo luận về sự khác nhau trong cách giao tiếp trên.
- Giảng viên ghi nhận, đánh giá các ý kiến.
- Thực hành giao tiếp theo nhóm với hai hình thức giao tiếp.



Thông tin cơ bản

1. Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu

Giao tiếp với học sinh khiếm thính bằng kí hiệu theo đúng ngữ pháp của NNKH, như những người khiếm thính giao tiếp với nhau.

Nếu người sử dụng có vốn kí hiệu phong phú, nắm vững ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu, hiểu và vận dụng được các kỹ năng sử dụng kí hiệu khi diễn đạt câu phức có nội dung phức tạp thì đây là cách giao tiếp lí tưởng, giúp người khiếm thính tiếp nhận thông tin một cách hiệu quả nhất.

2. Sử dụng kí hiệu hỗ trợ lời nói

Trong thực tế, không có nhiều giáo viên hay nhân viên có khả năng diễn đạt ngôn ngữ kí hiệu tốt, nên trong giao tiếp với học sinh khiếm thính chủ yếu sử dụng kí hiệu kết hợp với lời nói (theo trật tự diễn đạt của tiếng Việt).

Có những cách thức sử dụng kí hiệu hỗ trợ lời nói như sau:

- Kết hợp vừa nói vừa đánh vần chữ cái những từ khó hoặc từ chưa có kí hiệu.
- Kết hợp vừa nói vừa làm kí hiệu, các kí hiệu sẽ theo trật tự ngôn ngữ nói hoặc kí hiệu để minh họa cho một số từ chính trong câu, chứ không theo ngữ pháp ngôn ngữ kí hiệu.

2. Hướng dẫn cách tự học ngôn ngữ kí hiệu và thực hành giao tiếp với học sinh khiếm thính

Hoạt động 7: Cách tự học ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Xác định được các cách thức tự học ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên nêu rõ yêu cầu của hoạt động để học viên nắm được cách thức thực hiện.
- Mời các nhóm trình bày về kết quả thảo luận để các nhóm bổ sung ý kiến.
- Giảng viên gợi ý bổ sung để hoàn thiện các ý theo từng nhóm.



Thông tin cơ bản

1. Cách thức tự học ngôn ngữ kí hiệu

Có rất nhiều cách khác nhau để học ngôn ngữ kí hiệu. Mỗi cách thức đều có những ưu điểm và những hạn chế nhất định.

Học ngôn ngữ kí hiệu trực tiếp từ người điếc: dễ dàng quan sát cách thực hiện kí hiệu, biểu cảm nét mặt, đúng cú pháp của ngôn ngữ kí hiệu; người điếc giúp chỉnh sửa thực hiện kí hiệu chính xác; hiệu quả giao tiếp cao. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng có người điếc thường trực để dạy hoặc đáp ứng khi cần thiết và quan trọng là khi học kí hiệu mới không có văn bản ghi lại lên để quên.

Học ngôn ngữ kí hiệu qua sách báo: dễ dàng mang theo mọi nơi mọi lúc; có thể

tra cứu để sử dụng ngay lúc cần thiết; nhưng hình ảnh kí hiệu khó quan sát để thực hiện chính xác, việc minh họa hay diễn tả sự biểu cảm của yếu tố không bằng tay khó thể hiện do đó bản thân không xác định được mình thực hiện kí hiệu đã đúng hay chưa?

Học ngôn ngữ kí hiệu qua video: trong thời đại 4.0 thì đây là cách học được sử dụng nhiều nhất, với nhiều phiên bản khác nhau, người học có thể trực tiếp chương trình Dạy ngôn ngữ kí hiệu trên truyền hình, học qua CD, truy cập vào các website về Ngôn ngữ kí hiệu, các video trong Youtube, ... gần tương đương như học trực tiếp với người điếc, tuy nhiên người học vẫn không ý thức được mình đã làm đúng hay chưa?

2. Giới thiệu các nguồn dữ liệu

Tài liệu online:

1. 100 Bài dạy ngôn ngữ kí hiệu trên truyền hình – vtv.vn
2. <https://www.giaoducsangtao.com/san-pham-sang-tao/tu-dien-ngon-ngu-ky-hieu-viet-nam.html>
3. Nguồn từ điển 6.000 từ của QIPEDC
4. Các video Dạy ngôn ngữ kí hiệu trên Youtube của Intergenerational Deaf Education Outreach Vietnam.

Hoạt động 8: Thực hành truy cập dữ liệu

Yêu cầu cần đạt:

Học viên biết cách tra cứu nguồn kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên cung cấp 5 từ vựng, trong vòng 3 phút, học viên truy cập cách thực hiện các kí hiệu (yêu cầu có máy tính hoặc điện thoại thông minh)
- Học viên trình bày những khó khăn gặp phải khi tra cứu.
- Hướng dẫn học viên các nguồn ngôn ngữ kí hiệu có thể truy cập trong thời gian ngắn, thuận lợi cho việc tự học ngôn ngữ kí hiệu.

Hoạt động 9: Xây dựng môi trường giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu ở gia đình

Yêu cầu cần đạt:

- Hiểu được tầm quan trọng của môi trường ngôn ngữ kí hiệu ở gia đình

– Nắm được những điều cần làm để tạo ra môi trường giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thực hiện:

– Học viên suy nghĩ và trao đổi (trong nhóm lớn) về những khó khăn trong quá trình giao tiếp với con cũng như nỗi lòng của họ khi gặp khó khăn đó.

– Xem video của Ideo để khẳng định sự cần thiết của môi trường giao tiếp thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

– Mỗi nhóm trao đổi những việc dự định sẽ làm để tạo ra môi trường giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu tại gia đình vào từng mảnh giấy nhỏ.

– Sau đó mỗi nhóm lên dán 1 mảnh lên *cây môi trường* (được chuẩn bị sẵn lên bảng), nhóm sau không dán trùng nội dung của nhóm trước.

– Giảng viên đúc kết vấn đề và bổ sung thêm mảnh ghép – nếu cần thiết.



Thông tin cơ bản

Môi trường giao tiếp thông qua ngôn ngữ kí hiệu là cực kì quan trọng, cần thiết đối với học sinh khiếm thính.

Để xây dựng môi trường ngôn ngữ kí hiệu để tăng cường giao tiếp hiệu quả tại nhà, phụ huynh cần:

- Học kí hiệu cùng học sinh.
- Học kí hiệu từ người điếc lớn.
- Tổ chức hoạt động nho nhỏ mời người điếc lớn hoặc gia đình học sinh khiếm thính khác cùng đến giao lưu.
- Giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu với học sinh mọi lúc mọi nơi (bữa ăn, đi công viên, chăm sóc nhà cửa, ...)
- Tạo môi trường song ngữ (làm đồ chơi, đồ dùng học tập, vật dụng trong nhà đều viết tên và hình kí hiệu).
- Cùng đọc sách, truyện, sau đó yêu cầu con kể lại bằng kí hiệu.
- Kết hợp cử chỉ điệu bộ kèm kí hiệu khi giao tiếp.
- Tạo nhóm để các học sinh cùng học với nhau.
- Hát một số bài hát bằng ngôn ngữ kí hiệu.

- Cùng con truy cập từ vựng kí hiệu để bổ sung vốn kí hiệu.
- Học chữ cái ngón tay để có thể giải thích cho con một số từ mới, chưa có kí hiệu, ...

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

- Ngôn ngữ kí hiệu có vai trò như thế nào trong giao tiếp của người khiếm thính?
- Có những cách nào để giao tiếp thông qua ngôn ngữ kí hiệu?
- Những hoạt động cần thiết nào để xây dựng môi trường ngôn ngữ kí hiệu ở gia đình?

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật*, Thông tư 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29/06/2020.
2. Cao Thị Xuân Mỹ (chủ biên), Trần Thị Ngọc Lan (2017), *Kí hiệu ngôn ngữ và ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Dự án Giáo dục đại học cho người điếc Việt Nam (2007), *Ngôn ngữ kí hiệu Thành phố Hồ Chí Minh trình độ 1*, NXB Phụ nữ.
4. Dự án giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thính (2004), *Kí hiệu của người điếc Việt Nam, bộ 3 tập*, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam và tổ chức Pearl S.Buck.
5. Giáo dục sáng tạo (2017), *Từ điển ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam*, <https://www.tudienngonngukyhieu.com>.
6. Kyle I.G., Woll B. with Pullen G., Maddix F. (2002), *Sign Language*, Cambridge University, United Kingdom.
7. Sandy Niemann, Devrah Greenstein, Darlena David (người dịch: Nguyễn Thị Thực An, Đinh Bích Hạnh, Nguyễn Thị Cẩm Hương) (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, NXB Lao động - Xã hội.
8. Trần Thị Thiệp (chủ biên), Bùi Thị Anh Phương, Nguyễn Thị Cẩm Hương, Vương Hồng Tâm (2016), *Giáo trình ngôn ngữ kí hiệu thực hành*, NXB Đại học Sư phạm.
9. VTV đài truyền hình Việt Nam (2012), Chương trình *Dạy ngôn ngữ kí hiệu trên truyền hình*.

Chủ đề 3. Hỗ trợ học sinh khiếm thính học môn Tiếng Việt thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Số tiết: 5 (3 lí thuyết, 2 thực hành)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Hiểu được những hạn chế về đọc và viết của học sinh khiếm thính;
- Hiểu được các nội dung hỗ trợ học sinh khiếm thính đọc và viết thông qua ngôn ngữ kí hiệu;
- Sử dụng nguồn tài liệu trực tuyến hỗ trợ kĩ năng đọc và viết cho học sinh khiếm thính.

2. Phẩm chất

- Tin tưởng vào khả năng phát triển kĩ năng đọc viết của học sinh khiếm thính;
- Tạo điều kiện cho học sinh khiếm thính phát triển kĩ năng đọc và viết qua ngôn ngữ kí hiệu.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1. Khả năng học tập môn Tiếng Việt của học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên trình bày được một số đặc điểm về học đọc và viết trong môn Tiếng Việt của học sinh khiếm thính tiểu học.

Cách thức tiến hành:

- Học viên bằng kinh nghiệm của bản thân, viết ra một ý kiến về thuận lợi hoặc khó khăn của học sinh khiếm thính khi học môn Tiếng Việt cấp Tiểu học.
- Giảng viên chuẩn bị hình ảnh một cái cân với 2 cán cân trên bảng, yêu cầu học viên dán các ý kiến về “khó khăn” lên cán cân bên trái, và dán các ý kiến về “thuận lợi” ở cán cân phía bên phải.
- Giảng viên nhận xét về sự chênh lệch giữa hai cán cân này và đàm thoại với học viên về những biểu hiện cụ thể của các khó khăn này trong thực tế. Bên cạnh đó, giảng viên cũng phân tích hoặc bổ sung những ý kiến liên quan đến thuận lợi của học sinh khiếm thính khi học tập môn Tiếng Việt.



Khả năng học tập tiếng Việt của học sinh khiếm thính

Việc học tập chương trình môn Tiếng Việt ở cấp Tiểu học chú trọng đến mục tiêu hình thành và phát triển các *kỹ năng sử dụng tiếng Việt* cho học sinh. Nói cách khác, chính là giúp học sinh có những kỹ năng cơ bản về đọc và viết tiếng Việt để học sinh khiếm thính trở thành người “biết chữ”, có thể sử dụng tiếng Việt ở mức độ tối thiểu cần thiết để hoạt động trong xã hội [3].

1. Thuận lợi

Hiện nay, với những tiến bộ trong công nghệ trợ thính và những kết quả tích cực từ chương trình can thiệp sớm, học sinh khiếm thính có thể tiếp nhận âm thanh, lời nói và học ngôn ngữ nói hiệu quả hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học các kỹ năng đọc và viết, kể cả với những học sinh sử dụng ngôn ngữ kí hiệu.

Bên cạnh đó, học sinh khiếm thính được rèn luyện kỹ năng đọc hình miệng sớm cũng đem lại những kết quả tích cực trong việc học đọc và viết của học sinh. Việc học và ghi nhớ hình miệng phát âm của người xung quanh sẽ hỗ trợ học sinh khiếm thính trong quá trình phát âm, nhận diện từ và ghi nhớ từ vựng; giúp học sinh học tiếng Việt thuận lợi hơn.

Học sinh khiếm thính có thể mạnh về tiếp nhận và xử lý thông tin thị giác, học sinh có thể đọc hiểu và sử dụng các từ ngữ, khái niệm được diễn giải một cách trực quan, hoặc thông qua ngôn ngữ kí hiệu (NNKH) và các phương tiện phi ngôn ngữ khác (cử chỉ điệu bộ, chữ cái ngón tay). Trong đó, việc học sinh khiếm thính sử dụng NKKH trong học đọc và viết tiếng Việt ngày càng được khuyến khích và mang lại nhiều lợi ích cho việc học tập và giao tiếp của học sinh. Thêm vào đó, từ vựng trong các văn bản được “dịch” qua ngôn ngữ kí hiệu rất liên tục, cập nhật và mang tính tin cậy vì có sự tham gia của chính cộng đồng người điếc.

Học sinh khiếm thính ngày nay được tham gia sinh hoạt cộng đồng nhiều, kỹ năng hoà nhập xã hội ngày càng tốt hơn, nên kiến thức cũng như khả năng lĩnh hội và thực hành tiếng Việt nhanh nhạy và thực tế hơn.

Học sinh được tạo điều kiện hỗ trợ trong quá trình học tại trường và tại gia đình. Trong trường học, học sinh khiếm thính nhận được nhiều sự hỗ trợ từ giáo viên, bạn bè và nhân viên hỗ trợ. Chương trình học môn Tiếng Việt với các mục tiêu, nội dung và phương pháp được giáo viên điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm của học sinh khiếm thính. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được phát triển nhằm cung cấp những hỗ trợ

kip thời cho học sinh khiếm thính. Bên cạnh đó, phụ huynh ngày càng hợp tác hỗ trợ giáo viên trong việc hướng dẫn học sinh thực hành đọc và viết tại nhà.

Ngoài ra, việc ứng dụng các phương tiện kỹ thuật số và mạng internet trong dạy học cũng mở ra thêm nhiều hỗ trợ cho học sinh khiếm thính học đọc và viết thuận lợi hơn.

2. Khó khăn

a. Khó khăn trong học đọc

Học sinh khiếm thính gặp nhiều khó khăn trong các kỹ năng đọc như *đọc thành tiếng*, cụ thể như sau:

- Về *phát âm*, đa số học sinh không xác định được cường độ giọng đọc phù hợp. Ngoài ra, học sinh khó phát âm đủ/đúng các phụ âm và thanh điệu dẫn đến việc đọc không rõ ràng; một số học sinh hầu như không thể phát âm rõ.

- Về *giọng*, học sinh khiếm thính ít thể hiện khả năng làm chủ ngữ điệu khi đọc, học sinh có giọng đọc đều đều, ngữ điệu ít thay đổi. Đa phần học sinh khiếm thính đọc theo cảm tính, thói quen, lướt nhanh giữa các từ, ngữ, ảnh hưởng đến tính dễ hiểu của lời nói, rõ ràng trong khi đọc thành tiếng.

- Về *cách ngắt, nghỉ khi đọc*, học sinh thường ngắt nghỉ câu không theo qui tắc ngữ pháp, có khi đọc hết hơi thì ngắt. Thực tế cho thấy học sinh khiếm thính không áp dụng thành thạo quy tắc dấu câu khi đọc; với các câu dài có cấu trúc ngữ pháp phức tạp thì ngắt giọng tùy tiện, ngắt nghỉ theo cách học sinh kí hiệu từng từ, gây khó hiểu. Một số học sinh chỉ ngắt nghỉ câu theo dấu chấm, bỏ mất dấu phẩy.

- Do đó, khi đọc thành tiếng, học sinh khiếm thính thường *đọc bằng NNKH*. Tuy nhiên, do ngữ pháp của NNKH khác biệt so với ngữ pháp tiếng Việt, nên học sinh gặp khó khăn trong việc tập dịch những gì đang đọc sang NNKH và sử dụng chính xác ngữ pháp của NNKH trong quá trình đọc. Học sinh thường kí hiệu chính xác theo ngữ pháp câu tiếng Việt, một số học sinh kí hiệu sai hoặc nhầm lẫn các kí hiệu.

Ngoài ra, học sinh khiếm thính cũng gặp nhiều khó khăn trong kỹ năng *đọc hiểu*, biểu hiện cụ thể như sau:

- Học sinh gặp khó khăn trong việc nhận diện các từ vựng quen thuộc, học sinh thường khó hiểu được ý nghĩa câu/đoạn, hay quên các chi tiết, khó nắm bắt nhanh các ý tưởng trong bài.

- Học sinh càng gặp nhiều khó khăn khi tìm hiểu nội dung văn bản có chứa các yếu tố như từ đồng âm khác nghĩa, từ khác âm đồng nghĩa, phương ngữ. Học sinh

cũng khó hiểu các từ được dùng với nghĩa bóng, ẩn dụ, ngụ ý.

– Do hạn chế về kiến thức ngữ pháp, học sinh không biết tận dụng các gợi ý ngữ pháp và ngữ cảnh của đoạn/ bài để hiểu ý nghĩa của câu, đoạn. Ví dụ, học sinh ít chú ý các mệnh đề quan hệ để hiểu mối liên kết giữa các thành phần trong câu hoặc sử dụng quan hệ từ để liên kết các ý của đoạn, nhằm hỗ trợ cho việc hiểu các nội dung trong văn bản.

– Do khả năng liên kết các ý và hạn chế về vốn từ để liên kết các chi tiết lại, nên học sinh gặp khó khăn để liên kết hoặc sắp xếp các nội dung này theo chuỗi thứ tự hoặc hệ thống khi đọc. Vì vậy, việc hiểu văn bản của học sinh thường thiếu tính toàn diện và rời rạc về nội dung, dù rằng học sinh có thể nắm bắt cùng một lượng thông tin về nội dung tương đồng như của học sinh nghe.

b. Khó khăn trong học viết của học sinh khiếm thính

Học sinh khiếm thính thường thể hiện các lỗi về sử dụng từ, ngữ pháp và cách cấu trúc bài trong khi viết. Cụ thể:

– Học sinh khiếm thính có vốn từ hạn hẹp, dùng từ sai hoặc không phù hợp với ngữ cảnh khi viết. Học sinh thường sử dụng nhiều danh từ, động từ hoặc cụm danh từ - tính từ, ít sử dụng trạng từ và liên từ trong khi viết câu. Học sinh khiếm thính có xu hướng sử dụng các từ và cụm từ “hạn hẹp” và dùng chúng lặp đi lặp lại trong khi viết [12].

– Cách diễn đạt khi viết của học sinh khiếm thính đơn giản đến mức sơ sài. Các câu chuyện của học sinh khiếm thính viết hầu như chỉ sử dụng từ ngữ đơn giản, cụ thể và thuần túy nghĩa đen, ngay cả với những học sinh khiếm thính có thể kể chuyện bằng kí hiệu giỏi và sáng tạo [9].

– Đa số học sinh khiếm thính thường mắc các lỗi ngữ pháp lặp lại như viết thừa hoặc thiếu dấu câu, dấu thanh.

– Về đặc điểm cấu trúc ngôn ngữ của học sinh khiếm thính khi viết, học sinh khiếm thính thường tạo ra các câu ngắn hơn và ít cấu trúc hơn so với các học sinh nghe. Học sinh khiếm thính hay lược bỏ từ trong từ ghép và các câu thường có cấu trúc ngữ pháp đơn giản và ít liên kết với nhau; loại câu học sinh thường sử dụng là câu đơn, chủ ngữ vị ngữ rất đơn giản; hoặc viết thiếu bộ phận chính của câu.

– Học sinh khiếm thính có khó khăn trong cấu trúc bài viết dù học sinh có ý tưởng về chủ đề viết. Học sinh thường lặp lại câu hoặc ý trong bài viết, viết câu không đúng mục đích và yêu cầu của văn bản. Học sinh hay gặp khó khăn trong việc liên kết các câu, các ý trong đoạn trong bài viết một cách liên mạch.

Hoạt động 2: Hỗ trợ học sinh khiếm thính học môn Tiếng Việt thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

Học viên phân tích được các kĩ thuật hỗ trợ học sinh khiếm thính học đọc thông qua ngôn ngữ kí hiệu; tổng hợp được các kĩ thuật hỗ trợ đọc cho học sinh khiếm thính để làm bảng ghi nhớ.

Cách thức tiến hành:

- Học viên thảo luận trong nhóm từ 3 - 5 người để phân tích một tình huống thể hiện một trong các khó khăn thường gặp của học sinh khiếm thính khi đọc; và đề xuất một số kĩ thuật hỗ trợ học sinh khắc phục khó khăn đó.
- Học viên trình bày kết quả thảo luận về ba khó khăn phổ biến của học sinh khiếm thính trong khi đọc bao gồm ngắt, nghỉ không đúng nghĩa; khó hiểu nghĩa từ mới và khó khăn trong tìm hiểu nghĩa văn bản.
- Học viên củng cố kiến thức sau khi nghe bài giảng và đọc tài liệu, chọn một kĩ thuật hỗ trợ tâm đắc nhất và viết lên mô hình cây “Hỗ trợ đọc”.
- Học viên được khuyến khích bổ sung thêm những cách hỗ trợ đọc cho học sinh hoặc nêu ví dụ cách áp dụng các kĩ thuật này trong thực tế.



Thông tin cơ bản

1. Hỗ trợ học sinh khiếm thính tìm hiểu nghĩa từ

Phụ huynh yêu cầu học sinh chỉ ra các từ mới hoặc từ khó mà học sinh không hiểu nghĩa trong bài. Có thể cho học sinh gạch chân, đóng khung, ghi ra những từ, ngữ không hiểu có trong bài. Sau đó, hướng dẫn học sinh hiểu nghĩa từ như sau:

Phụ huynh viết ra từ mới/từ khó. Cùng học sinh đánh vần từ đó bằng chữ cái ngón tay để học sinh nhận diện từ.

Kí hiệu từ mới cho học sinh. Giải nghĩa từ cho học sinh bằng NNKH, kết hợp với hình miệng và các biểu cảm rõ ràng về nét mặt lẫn cử chỉ điệu bộ. Vì đây là những yếu tố làm rõ ý nghĩa, nội dung của từ cụ thể được kí hiệu.

Ví dụ: kí hiệu ngôn ngữ của từ “rất vui” cũng là một kí hiệu của từ “vui” nhưng khi đọc + kí hiệu từ này thì phụ huynh biểu hiện trên nét mặt tươi hơn và tay kí hiệu với tốc độ nhanh hơn để học sinh hiểu được cái này diễn đạt ý vui nhưng nhiều hơn.

Không phải tất cả các từ đều có thể dịch sang kí hiệu, một số từ cần phụ huynh phải sử dụng chữ cái ngón tay (CCNT) để biểu diễn hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể/ một dấu hiệu tự nhiên để diễn đạt (ví dụ, tên riêng, các phát minh hoặc chất hoá học...).

Sau đó, phụ huynh có thể áp dụng các phương pháp như trực quan (hình ảnh, video, vật thật), đa giác quan hoặc/và đóng vai, giảng giải nghĩa cụ thể trong các tình huống thực tế để đảm bảo học sinh hiểu sâu ý nghĩa của từ/ngữ. Đối với học sinh khiếm thính tiểu học, do khả năng tư duy trừu tượng kém, phần lớn học sinh học dựa trên những mô hình, vật thật, tranh ảnh. Việc sử dụng nhiều hình ảnh trực quan liên kết giữa hình ảnh, nội dung từ/ngữ và kí hiệu có vai trò quan trọng giúp học sinh hình thành mối liên kết giữa hình ảnh với từ ngữ và kí hiệu. Điều này làm cho học sinh ghi nhớ khắc sâu từ ngữ và nội dung bài học.

Dưới đây là một số biện pháp gợi ý để giúp học sinh khiếm thính tìm hiểu các loại từ cụ thể bằng NNKH:

Loại từ	Biện pháp	Hoạt động cụ thể
Từ chỉ khái niệm cụ thể	Trực quan, đa giác quan	Cho học sinh được quan sát, sờ, nếm, ngửi (hoạt động với vật thật)
Từ chỉ khái niệm tượng hình	Phải được cụ thể hóa, trực quan	Ví dụ, giải thích từ “khúc khuỷu” trong cụm từ “con đường khúc khuỷu”, học sinh được quan sát trên hình vẽ hoặc mô hình hóa con đường khúc khuỷu
Từ chỉ khái niệm không cụ thể	Được hình tượng hóa, cụ thể hóa, đóng vai	Ví dụ, từ “đau bụng”, học sinh khiếm thính phải được quan sát người nhăn nhó và tay ôm bụng.
Từ chỉ khái niệm tượng thanh	Được cụ thể hóa, mô phỏng bằng những hành động, sự việc, liên hệ với sự vật cụ thể	Học sinh được nhìn thấy hình ảnh/sự vật liên quan đến âm thanh, cảm giác rung từ sự vật hoặc nơi phát âm thanh đó.
Từ chỉ khái niệm trừu tượng	Được cụ thể hóa, trực quan, liên hệ cụ thể trong tình huống, đóng vai.	Học sinh được quan sát các hình ảnh mô tả nghĩa của khái niệm, hoặc sắm vai; đồng thời được khắc sâu bằng các hình ảnh trái nghĩa.

Trong trường hợp là từ đồng nghĩa thì phụ huynh phải giúp học sinh hiểu khái niệm “từ đồng nghĩa” là gì; hoặc gợi nhắc học sinh về từ có nghĩa tương tự

có trong vốn từ của học sinh. Ngoài ra, phụ huynh cũng có thể sử dụng các từ trái nghĩa trong vốn từ của học sinh để giải thích các từ mới/từ khó.

Dán nhãn những vật dụng trong gia đình, sử dụng từ điển hình ảnh và dán những từ/ngữ mới cùng hình ảnh minh hoạ trên tường hoặc tủ lạnh để học sinh có thể nhận diện từ và ghi nhớ khái niệm thường xuyên.

Khi học sinh lĩnh hội được nghĩa của từ/ngữ, phụ huynh nên cùng học sinh tìm hiểu nghĩa từ/ngữ đó trong câu cụ thể, nhằm giúp học sinh hiểu được ý nghĩa của câu chứa nó, đồng thời, củng cố kỹ năng tìm hiểu nghĩa từ dựa vào những gợi ý về ngữ cảnh trong câu/đoạn.

Cuối cùng, cần lưu ý yêu cầu học sinh thực hành kí hiệu của từ và áp dụng những từ khó/ từ mới trong thực tế giao tiếp nhằm giúp học sinh hiểu từ/ngữ đó tốt hơn.

2. Hỗ trợ học sinh khiếm thính ngắt, nghỉ đúng nghĩa

Đối với vấn đề hướng dẫn học sinh đọc đúng chỗ, ngắt, nghỉ đúng bằng ngôn ngữ kí hiệu, có thể thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xác định đoạn cần đọc, đưa ra ý chính và trao đổi với học sinh, vì khi học sinh nắm được nội dung chính của ngữ, câu, đoạn sẽ có tâm thế thoải mái khi thực hành đọc.

Bước 2: Xác định chủ ngữ, vị ngữ từng câu. Phụ huynh có thể dùng bút chì làm dấu gạch xiên để chia rõ các thành phần này cho học sinh hoặc hướng dẫn học sinh tự làm.

Bước 3: Nếu thành phần vị ngữ quá dài, có các ý diễn đạt liệt kê được phân tách bằng dấu phẩy, thì mỗi dấu phẩy có thể được đánh dấu gạch xiên cho học sinh dễ nhận biết. Nếu vị ngữ là dạng câu phức, cần giúp học sinh tách nghĩa bằng cách cho học sinh lấy bút chì gạch dấu xiên phải để phân biệt; và giải thích từng phần nghĩa.

Bước 4: Phụ huynh đọc mẫu. Khi đọc mẫu, phụ huynh nên kèm theo kí hiệu rõ ràng, chú ý biểu hiện diễn cảm về nét mặt và cử chỉ, điệu bộ.

Bước 5: Học sinh thực hành đọc với kí hiệu/ngôn ngữ kí hiệu với sự quan sát và hướng dẫn của phụ huynh. Quá trình luyện đọc này gồm các bước từ luyện đọc từ, luyện đọc câu, đọc đoạn và đọc cả bài bằng kí hiệu hoặc ngôn ngữ kí hiệu.

Bước 6: Yêu cầu học sinh đọc độc lập. Khuyến khích học sinh thực hành đọc nhiều lần và yêu cầu sự giúp đỡ của phụ huynh khi cần thiết.

Lưu ý về khoảng cách giữa phụ huynh và học sinh để học sinh nhìn thấy được càng “tam giác hỗ trợ” bao gồm hình miệng – kí hiệu của phụ huynh – nội dung bài đọc.

3. Hỗ trợ học sinh khiếm thính tìm hiểu nghĩa văn bản

Việc tìm hiểu nghĩa văn bản được thực hiện thông qua quá trình đọc cùng học sinh, đọc thầm và trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.

Phụ huynh có thể giúp học sinh hiểu nghĩa văn bản trước tiên thông qua quá trình đọc cùng học sinh. Khi đọc, phụ huynh nên chỉ vào câu/đoạn sẽ đọc để học sinh dễ theo dõi. Cần lưu ý vị trí để học sinh nhìn thấy rõ kí hiệu của phụ huynh và văn bản. Nên sáng tạo trong cách sử dụng kí hiệu và cách đọc cùng học sinh. Phụ huynh có thể tưởng tượng mình là nhân vật trong bài đọc và kể lại nội dung bài đọc cho học sinh qua kí hiệu. Bất cứ khi nào cùng học sinh đọc, thảo luận với học sinh bằng NNKH, kèm theo chữ viết hoặc hình ảnh minh họa để giúp học sinh hiểu ý tưởng và các khái niệm mới trong bài.

Sau đó, có thể cho học sinh đọc thầm, khuyến khích học sinh chủ động sử dụng kí hiệu hoặc ngôn ngữ kí hiệu trong khi đọc thầm. Cho phép học sinh dừng lại bất kì lúc nào để đặt câu hỏi và trò chuyện về từ, ngữ và nội dung trong văn bản mà học sinh chưa hiểu rõ. Dành nhiều thời gian để giải thích các từ, ngữ khó, đặc biệt là trường hợp các từ nhiều nghĩa, các từ được dùng với nghĩa bóng, ngụ ý, thành ngữ. Đồng thời, nên đặt các câu hỏi giúp học sinh nhớ lại, liên hệ, mở rộng và hiểu được ý nghĩa của nội dung văn bản.

Ngoài ra, sử dụng một hệ thống câu hỏi và bài tập rèn luyện kỹ năng đọc hiểu cho học sinh cũng là cách hiệu quả để tìm hiểu nghĩa văn bản. Phụ huynh có thể sử dụng bài tập hoặc hệ thống câu hỏi của giáo viên cung cấp để giúp học sinh tìm hiểu hoặc ôn tập nội dung bài đọc.

Để gây hứng thú cho học sinh, phụ huynh cũng có thể tổ chức cho học sinh tham gia một số trò chơi học tập để học sinh được củng cố các kiến thức đã học qua giao tiếp thực tế. Một số trò chơi đa dạng về hình thức như kể chuyện về bài đọc, mô hình hoá nội dung, giải ô chữ... sẽ giúp học sinh cảm thấy thoải mái khi chiếm lĩnh nội dung văn bản đọc như khi tham gia một buổi trò chuyện, vui chơi.

Cần khuyến khích học sinh đọc qua sách báo, truyện tranh thiếu nhi, các trò chơi liên quan đến đọc trên internet và cùng đọc với học sinh qua đó phụ huynh hình thành sở thích đọc cho học sinh, qua đó, cũng có thể thấy được những tiến bộ

rõ rệt của học sinh qua kỹ năng đọc trong thực tế.

Đồng thời, nên động viên học sinh chăm đọc bài và chuẩn bị nội dung bài trước khi đến lớp. Phụ huynh nên trao đổi với giáo viên thường xuyên về những khó khăn đọc của học sinh và cách để hỗ trợ học sinh phát triển thêm cách kỹ năng đọc tại nhà.

Hoạt động 3: Cách hỗ trợ học sinh khiếm thính học viết thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên phân tích được lỗi về viết trong thực tế của học sinh khiếm thính.
- Học viên trình bày được một số kỹ thuật hỗ trợ học sinh khiếm thính học viết.

Cách thức tiến hành:

- Học viên thảo luận trong nhóm (từ 3 – 5 người) để phân tích lỗi trong một văn bản viết (một câu hoặc một đoạn văn trong thực tế) của học sinh khiếm thính.
- Đề xuất các cách hỗ trợ học sinh khắc phục lỗi đó và chuẩn bị một công cụ để hỗ trợ học sinh học viết.
- Lắng nghe bài giảng và tổng hợp kiến thức; nêu thắc mắc (nếu có).



Thông tin cơ bản

1. Hỗ trợ vốn từ tiếng Việt

a. Sử dụng thẻ học từ và từ khoá

Phụ huynh nên sử dụng thẻ học từ để giúp học sinh dễ dàng ghi nhớ từ vựng. Hãy để học sinh tự viết từ lên thẻ, điều này giúp học sinh ghi nhớ ban đầu từ đó bằng nét chữ của bản thân.

Sắp xếp các thẻ từ theo chủ đề, hoặc theo sở thích của học sinh. Mỗi định kì học sinh sẽ cập nhật thẻ từ mới, khoảng 15 thẻ thì tạo thành bộ thẻ từ. Số lượng thẻ có thể nhiều hoặc ít hơn tùy vào trình độ học sinh, tuy nhiên lý tưởng tối đa 25 thẻ để dễ cầm, thao tác khi ôn tập và không cảm thấy quá tải.

Dán hoặc để các thẻ từ tại các nơi học sinh dễ thấy ở trong nhà, giúp học sinh nhìn thấy và được lặp lại chữ viết và khái niệm thường xuyên.

Dạy học sinh nhận diện từ khoá cũng là cách hữu ích để giúp học sinh học, hiểu, lựa chọn từ vựng phù hợp để viết theo nhiều cách diễn đạt khác nhau. Phụ

huynh có thể tạo ra các bài tập chọn từ để hướng dẫn học sinh khiếm thính đọc kĩ câu, tìm ra từ khoá/ từ khoá chủ đề rồi từ đó lựa chọn từ để viết phù hợp.

b. Cung cấp/ ôn tập theo chủ đề, đặc điểm nổi bật

Nên dạy học sinh khiếm thính học và hiểu từ mới thông qua việc suy luận và liên kết từ đó trong một chủ đề lớn. Nghĩa là, dạy từ mới trong mối liên hệ với các từ học sinh đã biết, để mở rộng vốn từ trong một cấu trúc khái niệm tổng thể. Khi dạy một từ mới, người hỗ trợ thảo luận về các mặt nghĩa của từ (nghĩa đen – nghĩa bóng), mối quan hệ của từ đó với các từ khác hoặc minh hoạ cách sử dụng từ mới trong các ngữ, câu và thành ngữ nếu có.

Đồng thời, để học sinh ghi nhớ từ vựng, hãy cùng học sinh phân tích đặc điểm của sự vật trong mối liên hệ với kí hiệu. Nên nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật về kí hiệu và về nghĩa của từ sẽ giúp hạn chế được lỗi nhầm lẫn khi chọn từ để viết của học sinh khiếm thính. Ngoài ra, cần phân tích để học sinh biết kí hiệu của từ đó có gần giống với kí hiệu nào khác hay không, khác nhau ở điểm nào và vì sao như thế.

c. Sử dụng bộ câu hỏi ôn tập từ vựng

Các bộ câu hỏi ôn tập từ vựng sẽ giúp học sinh phát triển tư duy, suy luận, liên kết các từ vựng với nhau; giúp học sinh ôn lại từ vựng theo kiểu “lặp đi lặp lại” và dễ ghi nhớ hơn. Những câu hỏi nên được diễn đạt bằng ngôn ngữ kí hiệu. Câu hỏi thường ngắn gọn và theo khuôn mẫu dễ hình thành thói quen trả lời cho học sinh.

Ví dụ: Khoanh tròn từ đúng để phù hợp vào (...)

Cây táo ... hơn cây lê. (dài / cao)

Cây bút chì ... hơn cây bút mực. (dài / cao)

Bước 1: Xác định đề bài, kí hiệu “khoanh tròn” nhấn mạnh cách thực hiện bài tập đúng.

Bước 2: Gạch dưới từ khoá “cây” – kí hiệu “cây” (cây táo / cây lê), quan sát hai từ trong ngoặc, giải thích và kí hiệu nghĩa mỗi từ.

Bước 3: Liên kết mối quan hệ giữa các trường từ vựng “cây táo/ cây lê” – “cao” và “cây bút chì/ bút mực” – “dài” thì sẽ hợp lí hơn.

Bước 4: Học sinh thực hiện khoanh tròn đáp án, đọc lại nguyên câu.

Bước 5: Phụ huynh hỏi bằng kí hiệu “trái nghĩa “dài” là gì?, trái nghĩa “cao” là gì?”

Bước 6: Viết/ kí hiệu câu đảo nghĩa. Ví dụ: *Cây lê thấp hơn cây táo; Cây bút*

mức ngắn hơn cây bút chì.

Bước 7: Mở rộng, nhắc lại 1 lần nữa các cặp từ trái nghĩa.

2. Hỗ trợ viết theo mẫu câu tiếng Việt

a. Luyện viết câu theo mẫu

Ngữ pháp tiếng Việt là một thách thức phổ biến đối với học sinh khiếm thính, vì vậy hỗ trợ học sinh viết câu theo mẫu là bước quan trọng để hình thành kỹ năng viết câu theo một trật tự ngữ pháp đúng cho học sinh.

Khi dạy viết câu, dựa vào một câu mẫu, phụ huynh sẽ sử dụng kí hiệu để phân tích các ý chính, nội dung của câu này. Từ đó, học sinh hiểu mục đích câu đó dùng để tả, để kể hay để hỏi. Sau đó, yêu cầu học sinh ứng dụng, thay thế các từ để tập viết câu mô tả tương tự.

Ví dụ: câu mẫu “Bông hoa màu đỏ, cánh tròn và to.”

Dựa theo câu mẫu này, phụ huynh gạch dưới các từ “màu đỏ”, “cánh tròn”, “to”, kí hiệu giải thích đây là các từ mô tả màu sắc của hoa và đặc điểm cánh hoa.

Phụ huynh còn có thể mở rộng bằng cách thay đổi chủ ngữ, thêm từ loại như tính từ, số từ, danh từ chỉ loại... trong các câu mẫu nhằm hướng đến việc giúp học sinh khiếm thính viết câu với nội dung mới và cấu trúc phức tạp hơn. Lúc này học sinh sẽ hình thành khái niệm viết câu dễ dàng hơn, có cấu trúc và đa dạng thông tin biểu đạt hơn.

b. Học ngữ pháp bằng hệ thống câu hỏi kết hợp biểu tượng

Sau khi học sinh có được một lượng từ vựng về các chủ đề, cho học sinh làm quen và ghi nhớ các biểu tượng đại diện cho các thành phần trong nhóm câu hỏi, gợi ý giúp học sinh sắp xếp các nội dung theo trình tự trả lời của các câu hỏi, từ đó giúp học sinh viết câu theo đúng cấu trúc ngữ pháp. Nên chia các nội dung dạy ngữ pháp ra thành hai nhóm câu hỏi như sau theo mức độ từ dễ đến khó:

Nhóm câu đơn giản	Nhóm câu phức tạp
<i>Ai? làm/là gì?/ Ai? ở đâu?</i>	<i>Bao nhiêu? con gì? như thế nào?</i>
<i>Ai? như thế nào?</i>	<i>Bao nhiêu? cái gì? như thế nào?</i>
<i>Cái gì? ở đâu?/ Con gì? ở đâu?</i>	<i>Ai? làm gì? cái gì? ở đâu?</i>
<i>Cái gì? như thế nào?/ Con gì? như thế nào?</i>	<i>Con gì? làm gì? ở đâu? như thế nào?</i>

Sau đó, dạy học sinh viết đúng ngữ pháp theo các mẫu câu với các bước sau:

- Giới thiệu thành phần trong câu bằng thẻ từ tương ứng với các câu hỏi giúp thiết lập cấu trúc ngữ pháp cho học sinh.
- Cho học sinh xem ảnh và thảo luận về nội dung cần diễn đạt.
- Học sinh trả lời dựa theo từng thẻ học từ để hoàn thành câu. Ở bước này, học sinh có thể sẽ đưa ra rất nhiều ý tưởng. Tuy nhiên, phụ huynh cần giúp học sinh tập trung vào rèn luyện mẫu câu theo gợi ý của thẻ học từ trước. Sau đó, có thể hỗ trợ thêm nhiều tính từ giúp học sinh tạo thành những câu đa dạng hơn.
- Luyện tập luân phiên hỏi – trả lời dựa theo chuỗi thẻ học từ.

Ngoài ra, trong quá trình hỗ trợ, phụ huynh cũng mở rộng vốn từ cho học sinh. Hướng dẫn học sinh thêm các liên từ đơn giản như “hay”, “và”, “cùng” để phong phú thêm cách diễn đạt.

Ví dụ, viết câu theo cấu trúc với nhóm câu hỏi “Con gì? làm gì? ở đâu?”

+ *Bước 1: Giới thiệu thứ tự từng hình minh họa câu hỏi để thiết lập cấu trúc câu.*



+ *Bước 2: Cho học sinh xem ảnh tình huống và thảo luận câu hỏi “con thấy gì trong ảnh?”*



+ *Bước 3: Học sinh dựa theo thứ tự các thẻ học từ ở bước 1 trả lời.*

Học sinh sẽ trả lời theo thứ tự “Con gì? làm gì? ở đâu?” => Con voi đang tắm ở bên suối.”

+ *Bước 4: Luyện tập luân phiên - học sinh luyện tập với phụ huynh bằng cách đưa các hình ảnh tình huống tương tự, khuyến khích học sinh tạo câu theo đúng cấu trúc ngữ pháp mẫu được học.*

Ngoài ra, phụ huynh có thể sử dụng các mẫu câu và các điểm ngữ pháp khác cho cùng một hình ảnh như trên để học sinh khiếm thính viết được nhiều câu đa dạng hơn.

3. Hỗ trợ liên kết câu thành đoạn và viết toàn bài

a. Liên kết câu bằng các từ nối

Các liên từ của tiếng Việt vô cùng phong phú và đa dạng cách sử dụng. Tuy nhiên tùy vào nhu cầu, lứa tuổi, trình độ của học sinh khiếm thính mà phụ huynh lưu ý chọn lọc phù hợp. Học sinh khiếm thính cần được dạy, hiểu ngắn gọn ý nghĩa bằng ngôn ngữ kí hiệu và ghi nhớ các từ nối thông dụng trong câu như:

<i>Danh sách từ liên kết</i>	<i>Chức năng</i>
<i>(liên kết các ý trong câu)</i>	<i>(gợi ý cách giải thích đơn giản cho học sinh khiếm thính)</i>
và	liệt kê sự vật, sự việc hoặc kết nối A - B (cùng đặc điểm, ví dụ cùng khen hoặc cùng chê)
nhưng	kết nối A - B nhưng trái ngược ý nghĩa nhau. (A tốt, B xấu hoặc ngược lại)
hay/ hoặc	đưa ra 2 lựa chọn, chỉ được chọn 1 và thường dùng trong câu hỏi. Nói lên một tên gọi khác của cùng một sự vật, sự việc, con người.
<i>(liên kết các câu trong đoạn)</i>	
A. Tuy nhiên B	nối 2 câu A và B. B ngược/ khác ý với A.
Nếu A thì B	thực hiện (làm) A xảy ra B.
Vì A nên B	B là kết quả khi thực hiện (làm) A.

b. Hỗ trợ viết đoạn văn

Với học sinh khiếm thính, cần dạy trực tiếp cách cấu trúc các câu trong một đoạn và cách sử dụng từ nối nhằm liên kết các câu, các ý trong đoạn. Sử dụng hình ảnh mô hình hoá cách viết đoạn và cách kết nối các câu trong đoạn để giúp học sinh nhớ nhanh và nhớ lâu, cụ thể như sau:



Câu 1 - Câu chủ đề

- Đầu tiên, vấn đề 1

Câu 2 - Câu bổ sung ý

- Kế tiếp = Tiếp theo: vấn đề 2 (nếu có)

Câu 3 - Câu nêu ví dụ/lí do hỗ trợ cho vấn đề 1 hoặc 2

- Ví dụ = chẳng hạn, câu nói về tình huống cụ thể

Câu 4 - Kết thúc thông tin

- Cuối cùng, tóm lại, nói chung

c. *Viết toàn bài và chỉnh sửa bài viết*

Hiện thực hoá bài viết: mỗi phong cách văn bản sẽ theo những cấu trúc khác nhau. Học sinh cần được dạy trực tiếp về cách cấu trúc bài viết của các phong cách khác nhau.

Sử dụng sơ đồ để hiển thị hoá cấu trúc nội dung và qui trình viết là một cách hiệu quả để dạy học sinh khiếm thính hiểu được cách viết một bài văn dễ dàng hơn. Cũng có thể cùng học sinh tạo ra các công thức ghi nhớ hoặc các từ viết tắt về cách cấu trúc nội dung bài viết nhằm giúp học sinh tổ chức và sắp xếp các ý tưởng của mình.

Tóm lại, trong việc hỗ trợ và rèn luyện kỹ năng viết cho học sinh khiếm thính, điều quan trọng nhất là phát triển ý tưởng viết của học sinh, từ đó hình thành và củng cố động lực viết của học sinh. Cần rèn luyện kỹ năng viết cho học sinh từ những điều đơn giản và gần gũi với học sinh, có thể bắt đầu bằng việc viết từ, ngữ hoặc câu để giới thiệu bản thân, viết một bức thư ngắn cho gia đình...; cho đến thực hành viết trong cuộc sống hằng ngày của học sinh như viết thời khoá biểu, thực đơn, danh sách mua hàng, nhắn tin... Đồng thời, nên lồng ghép các trò chơi về viết và những công cụ hỗ trợ viết (ứng dụng gợi ý từ ngữ trên điện thoại, máy tính, các phần mềm hướng dẫn tập viết) để giúp học sinh có nhiều cơ hội rèn luyện các kỹ năng viết theo cách hứng thú và mang tính chức năng cho học sinh khiếm thính.

Hoạt động 4: Hướng dẫn sử dụng Bảng hình bài học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính thông qua NNKH của Dự án QIPEDC

Kết quả cần đạt:

Học viên có thể truy cập để xem và thao tác với các nội dung trong 01 bảng hình.

Cách thức tiến hành:

- Học viên lắng nghe giảng viên giới thiệu về nội dung, cấu trúc và cách truy cập các bảng hình môn Tiếng Việt của dự án QIPEDC.
- Học viên lựa chọn và truy cập vào một bảng hình trong một phân môn Tiếng Việt và để tìm hiểu thực tế cách sử dụng bảng hình này.



Thông tin cơ bản

1. Giới thiệu Bảng hình bài học môn Tiếng Việt

a. Về nội dung

Bộ Bảng hình gồm có 100 bài học môn Tiếng Việt bằng NNKH cho học sinh khiếm thính từ lớp một đến lớp năm, trong đó mỗi khối lớp có 20 bảng hình. Mỗi bảng hình có thời lượng ngắn phù hợp với khả năng tập trung của học sinh khiếm thính tiểu học. Nội dung trong bộ bảng hình được xây dựng dựa trên danh mục các kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Tiếng Việt cấp Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định, để đảm bảo hài hòa giữa chương trình hiện hành và chương trình giáo dục phổ thông mới, tập trung vào các phân môn của môn Tiếng Việt như Tập đọc, Luyện từ và câu và Tập làm văn.

Các nội dung trong các phân môn Tiếng Việt đều được trình bày sinh động và thu hút với hỗ trợ hình ảnh, âm thanh, phim và được thể hiện bằng ngôn ngữ kí hiệu. Học sinh có thể lần lượt học các bài theo trình tự gồm một bài Tập đọc, sau đó đến phần bài giảng về Luyện từ và câu và Tập làm văn; hoặc lựa chọn các chủ đề học một cách tự do theo danh mục bài của từng khối lớp.

Lớp 1

Lớp 2

Lớp 3

Lớp 4

Lớp 5

b. Về cấu trúc

Mỗi băng hình có cấu trúc gồm 2 phần: *Củng cố kiến thức* và *Bài tập*. Phần *Củng cố kiến thức* gồm các nội dung chủ đề được diễn đạt bằng NNKH, kèm theo minh hoạ bằng chữ viết và hình ảnh. Học sinh có thể trực tiếp tìm hiểu nghĩa của từ mới, từ khó bằng cách truy cập vào danh mục NNKH. Phần *Bài tập* gồm các nhiệm vụ ôn tập, mang tính chất củng cố nội dung bài học. Các bài tập được thiết kế đa dạng về thể loại và được trình bày sinh động, thu hút sự chú ý của học sinh. Mỗi bài tập đều có kèm theo đáp án để học sinh kiểm tra kết quả làm bài. Học sinh có thể thực hiện các bài tập này ngay trên lớp hoặc làm lại các bài tập này để tự ôn tập tại nhà.

← KỂ TRUYỆN: CÂU CHUYỆN 4 MÙA




< > ||

MỤC LỤC

1. Xem tranh, đọc truyện: Chuyện bốn mùa

2. Nhìn tranh và kể tên nhân vật

Bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông gặp nhau.

DANH MỤC
NGÔN NGỮ KÝ HIỆU

Giao diện của một chủ đề trong băng hình bài học môn Tiếng Việt – bản thử nghiệm

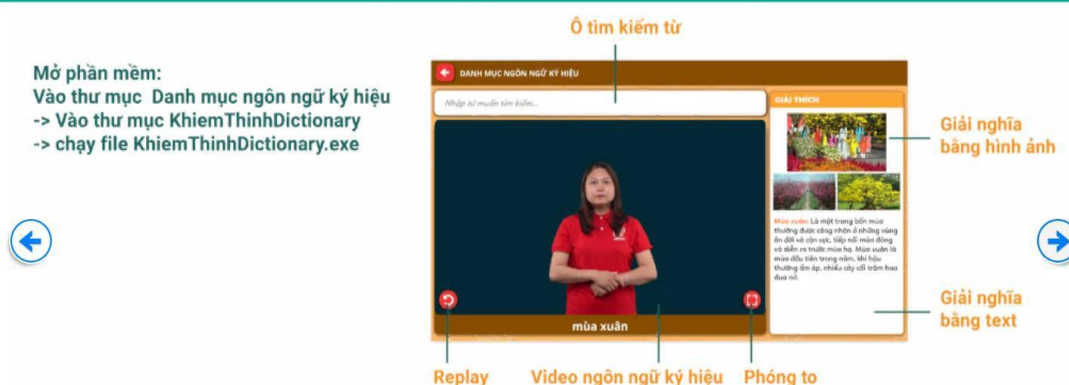
5. DANH MỤC NGÔN NGỮ KÍ HIỆU

Mở phần mềm:

Vào thư mục Danh mục ngôn ngữ ký hiệu

-> Vào thư mục KhiemThinhDictionary

-> chạy file KhiemThinhDictionary.exe



- Ô tìm kiếm: người dùng nhập từ ngữ cần xem ngôn ngữ ký hiệu vào
- Giải nghĩa bằng hình ảnh: bộ hình ảnh minh họa cho từng từ, giúp người khiếm thính có thể hiểu được ý nghĩa của từ đó.
- Giải nghĩa bằng chữ: sử dụng định nghĩa chuẩn của Bộ từ điển Tiếng Việt
- Video ngôn ngữ ký hiệu: Video thể hiện ngôn ngữ ký hiệu của từ mà người dùng tìm kiếm.

Giao diện của Danh mục NNKH – bản thử nghiệm

2. Các lưu ý khi sử dụng Bảng hình bài học môn Tiếng Việt

– Người hỗ trợ nên xem trước mục Hướng dẫn sử dụng để tìm hiểu về cách sử dụng hệ thống các nội dung và từ điển NNKH được tích hợp trong hệ thống này.

– Trước khi chọn xem băng hình, cần hướng dẫn học sinh chuẩn bị các đồ dùng học tập kèm theo bao gồm: bút, vở, thước kẻ.

– Mỗi bài *Củng cố kiến thức* có thể dài từ 5 đến 10 phút, học sinh có thể xem lần lượt các nội dung và thực hiện theo yêu cầu trong nội dung đó được hiển thị. Người hỗ trợ có thể tạm ngừng băng hình để giải thích thêm bằng NNKH cho học sinh khi cần thiết.

– Khi có từ mới, từ khó cần tra cứu, người hỗ trợ có thể hướng dẫn học sinh tự tra cứu trong danh mục NNKH bằng cách gõ từ mới/khó vào khung tìm kiếm của danh mục. Lưu ý, để gõ được tiếng Việt có dấu trong ô Tìm kiếm, cần tích chọn ô “*Luôn sử dụng clipboard cho unicode*” trong phần mềm gõ tiếng Việt của máy tính.

– Cho học sinh có thể chọn và xem theo từng phần trong các bài *Củng cố kiến thức* và *Bài tập* theo chủ đề của mỗi băng hình.

– Phần trả lời câu hỏi và bài tập, nên để học sinh dừng lại sau mỗi nội dung bài tập, tự suy nghĩ và làm bài sau đó mới xem nội dung đáp án để tự kiểm tra đánh giá kết quả làm bài.

– Trong quá trình sử dụng, phụ huynh có thể tổ chức cho học sinh sử dụng băng hình theo nhiều cách khác nhau như học cá nhân hay học theo nhóm, tự học hoặc học với sự hướng dẫn của người hỗ trợ.

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Câu hỏi

- Học sinh khiếm thính cấp tiểu học gặp những khó khăn gì trong việc học đọc và viết?
- Những nội dung nào cần hỗ trợ để phát triển kỹ năng đọc cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học?
- Những nội dung nào cần hỗ trợ để phát triển kỹ năng viết cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học?

2. Bài tập

- Phân tích các lỗi về đọc và mô hình hoá các kỹ thuật hỗ trợ đọc cho học sinh khiếm thính cấp Tiểu học.
- Phân tích các lỗi về viết của học sinh khiếm thính và đề xuất cách hỗ trợ tương ứng.
- Qui trình sử dụng các video bài học môn Tiếng Việt.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Albertini, J. (1993), Critical literacy, whole language, and the teaching of writing to deaf students: Who should dictate to whom?, *TESOL Quarterly*, 27, 59-73.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Tiểu học*.
3. Steward, D., Clarke, B. (2003), *Literacy and your deaf child – What every parent should know*, Washington, D.C: Gallaudet University Press.
4. Kluwin, T., Kelly, A. (1992), Implementing a successful writing program in public schools for students who are deaf, *Exceptional Children*, 59(1), 41-53.
5. Lê Phương Nga (2013), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2*, NXB Đại học Sư phạm.
6. Lê Phương Nga, Đặng Kim Nga (2004), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
7. Lê Văn Tạc (2010), Chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khiếm thính ở cấp tiểu học, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Số 54, trang 25.

8. Lê Huỳnh Ngọc Hân (2018), Hỗ trợ trẻ khiếm thính học ngữ pháp viết câu tiếng Việt qua thẻ gợi ý câu hỏi bằng hình ảnh, *Kỷ yếu hội thảo khoa học NNKH và ngữ pháp NNKH trong dạy học trẻ điếc –thực trạng và giải pháp*.
9. Marschark, M., Everhart, V. (1988), Linguistic flexibility in signed and written language productions of deaf children, *Journal of experimental child psychology*, 46, 93-174.
10. Stewart D., Thomas N Kluwin (2001), *Teaching Deaf and Hard of Hearing Students: Content, Strategies and Curriculum*, Boston: Allyn and Bacon.
11. Giáo dục sáng tạo (2017), *Từ điển ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam*, <https://www.tudienngonngukyhieu.com>.
12. Yoshinaga-Itano, C., Snyder, L. (1985), Form and meaning in the written language of hearing-impaired children, *The Volta Review*, 87(5), 75-90.

Chủ đề 4. Hỗ trợ học sinh khiếm thính cấp Tiểu học học môn Toán thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Số tiết: 4 (2 lí thuyết, 2 thực hành)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Hiểu được một số điểm mạnh và khó khăn trong học tập môn Toán của học sinh khiếm thính cấp Tiểu học;
- Vận dụng được ngôn ngữ kí hiệu vào các hoạt động hỗ trợ học sinh khiếm thính cấp Tiểu học học môn Toán;
- Hướng dẫn được học sinh khiếm thính cấp Tiểu học sử dụng các video bài giảng tương tác môn Toán thông qua ngôn ngữ kí hiệu do dự án QIPEDC thực hiện.

2. Phẩm chất

- Tin tưởng vào khả năng học môn Toán của học sinh khiếm thính cấp Tiểu học;
- Có ý thức hỗ trợ cho học sinh khiếm thính cấp Tiểu học sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong quá trình học môn Toán.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Đặc điểm học tập môn Toán của học sinh khiếm thính cấp Tiểu học

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm học tập môn Toán của học sinh khiếm thính cấp Tiểu học

Yêu cầu cần đạt:

Học viên trình bày được những điểm mạnh và khó khăn của học sinh khiếm thính cấp tiểu học khi học Toán.

Cách thức tiến hành:

Học viên, bằng kinh nghiệm của bản thân, thảo luận theo nhóm và trình bày về những điểm mạnh và khó khăn của học sinh khiếm thính khi học Toán, nêu những ví dụ cụ thể về trường hợp con em mình.



Thông tin cơ bản

1. Điểm mạnh trong học tập môn Toán

- Đối với cả học sinh khiếm thính và học sinh nghe, mỗi cá nhân đều có những

điểm mạnh khác nhau khi học môn Toán. Tuy nhiên nhìn chung học sinh khiếm thính có khả năng hoàn thành tốt những nhiệm vụ Toán học liên quan đến thị giác.

- Do bị mất hoặc giảm cảm giác và tri giác thính giác nên thị giác của học sinh khiếm thính được bù trừ và trở thành con đường chủ yếu để trẻ nhận thức thế giới xung quanh. Học sinh khiếm thính thường để ý các chi tiết nhỏ ở thế giới xung quanh mà trẻ nghe không hay để ý đến [8]. Chẳng hạn, khi học môn Toán, học sinh khiếm thính có thể phân biệt tốt các hình dạng hoặc các màu sắc gần giống nhau như xanh, tím, đỏ, da cam.

- Học sinh khiếm thính ghi nhớ thông tin thị giác trực tiếp tốt hơn học sinh nghe. Hơn nữa, học sinh khiếm thính không chỉ sử dụng cách biểu thị bằng lời mà còn cử chỉ điệu bộ và ngôn ngữ kí hiệu [6]. Điều này cũng có ý nghĩa tích cực đối với sự ghi nhớ của trẻ trong việc học tập môn Toán.

- Khả năng quan sát nhanh nhạy của thị giác cũng giúp học sinh khiếm thính có chiều hướng thiên về tư duy trực quan - hành động. Nhiều nghiên cứu cho thấy học sinh khiếm thính có khả năng hoàn thành tốt các bài tập toán dưới dạng tư duy trực quan - hành động [9].

- Tư duy trực quan - hình tượng: Tư duy của trẻ khiếm thính chủ yếu dựa vào các hình ảnh, biểu tượng [6]. Vì vậy khả năng học tập môn Toán thông qua các phương tiện trực quan như hình ảnh, tranh... là một điểm mạnh của học sinh khi học môn Toán.

- Học sinh khiếm thính thường khéo léo trong các hoạt động có sự phối hợp giữa tay và mắt [3], nên phù hợp với các hoạt động học tập môn Toán thông qua thực hành, trải nghiệm như cắt, vẽ, dán, ghép hình...

2. Khó khăn trong học tập môn Toán

Trong học tập môn Toán, học sinh khiếm thính thường gặp những khó khăn cụ thể như sau:

- Học sinh khiếm thính thường kém tập trung, dễ bị phân tán bởi các yếu tố trực quan, hấp dẫn xung quanh. Điều này ảnh hưởng khá nhiều đến việc học tập môn Toán của trẻ.

- Trẻ khó nhận thức các yếu tố trừu tượng không được trực quan hóa (Phan Thị Tình, 2018). Đây chính là lí do khiến học sinh khiếm thính gặp nhiều khó khăn trong việc học các khái niệm Toán, vốn rất trừu tượng.

– Sự hạn chế trong tư duy logic Toán học khiến học sinh khiếm thính thường gặp khó khăn trong việc hiểu đúng, chính xác các dữ liệu của những bài toán có lời văn [1]. Học sinh khiếm thính cũng gặp nhiều khó khăn trong việc vận dụng kiến thức lí thuyết để giải bài tập thực hành, và khi chuyển kĩ năng giải quyết từ tình huống này sang tình huống khác.

2. Hỗ trợ học sinh khiếm thính cấp Tiểu học học môn Toán thông qua ngôn ngữ kí hiệu ở gia đình

Hoạt động 2: Hỗ trợ làm một số dạng bài tập Toán

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên trình bày được các bước giải bài tập số, phép tính và nội dung dạy học yếu tố hình học bằng ví dụ có sử dụng ngôn ngữ kí hiệu.
- Học viên vận dụng đúng các bước để giải các bài tập số, phép tính và hình học.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên trình bày các bước giải bài tập số, phép tính và nội dung dạy học yếu tố hình học thông qua ví dụ minh họa.
- Học viên thảo luận theo nhóm đôi, và tìm ví dụ cụ thể để minh họa.



Thông tin cơ bản

1. Hỗ trợ giải bài tập số

- Khi thực hiện giải bài tập số tự nhiên, giáo viên thường dạy học sinh theo các bước sau:

+ Trong phạm vi 10:

Bước 1: Giáo viên nêu nhiệm vụ nhận thức, định hướng sự chú ý và yêu cầu nhận thức của học sinh vào đối tượng (số mới).

Bước 2: Giáo viên tổ chức các hoạt động của học sinh trên phương tiện (đồ dùng) cụ thể để tích lũy số liệu, các dữ liệu, dấu hiệu (bản chất hoặc không bản chất) có liên quan.

Bước 3: Trừu tượng hóa: loại bỏ dần những dấu hiệu không bản chất, thay thế các hình ảnh trực quan cụ thể bằng mô hình tượng trưng, chỉ giữ lại các dấu hiệu đặc trưng (số lượng).

Bước 4: Khái quát hóa, làm quen kí hiệu, tên gọi (số mấy), tập viết kí hiệu số, nhận dạng kí hiệu số, vị trí của số trong dãy số đã học.

Bước 5: Chỉ ra các tập hợp đồ vật (trong thực tế khách quan) biểu hiện đúng số mới.

+ Trong phạm vi lớn hơn 100 theo các bước sau:

Bước 1: Hình ảnh trực quan.

Bước 2: Phân tích cấu tạo số (hàng trăm, hàng chục, đơn vị).

Bước 3: Kí hiệu số (viết số).

Bước 4: Tên gọi (đọc số).

Với các bước thực hiện trên, phụ huynh có thể giải thích tại các bước mà học sinh còn chưa hiểu rõ.

– Để học sinh có thể giải được các bài tập về số trước tiên các em cần được học đếm thuộc lòng, đến xuôi, đếm ngược, đếm nhảy 1 số (đếm số chẵn, số lẻ), đếm nhảy nhiều số hơn, đếm tới bắt đầu từ một số bất kì. Khác với học sinh nghe sẽ nhầm theo bằng miệng để học đếm thuộc lòng hay học bảng cửu chương, học sinh khiếm thính sẽ đọc theo bằng ngôn ngữ kí hiệu để học thuộc.

– Phụ huynh có thể hỗ trợ học sinh nhận diện mặt chữ số thông qua các thẻ số, trò chơi về số...

– Phụ huynh cần trao đổi với nhà trường và nắm các kí hiệu về số, phép tính và các khái niệm một cách nhất quán.

Ví dụ 1: Khi dạy học sinh về lớn hơn, bé hơn để học sinh không bị nhầm lẫn về dấu lớn, dấu bé, có thể qui ước như sau:

Dấu lớn hơn là tay phải $>$ (tay phải) / Dấu bé là tay trái $<$ (tay trái)

Hoặc qui ước: Dấu lớn $>$ miệng cá mở to / Dấu bé $<$ miệng cá khép lại.

– Phụ huynh nên sử dụng những câu hỏi mở với học sinh thay vì những câu hỏi mà học sinh chỉ trả lời có không hay chỉ lắc và gật đầu.

Ví dụ 2: Thay vì hỏi “Con ăn bánh nữa không? hay “Con ăn 2 cái bánh nữa nhé?” thì hãy hỏi: “Con ăn thêm mấy cái bánh nữa?” để học sinh phải sử dụng con số và đơn vị để trả lời. Nếu học sinh chỉ trả lời con số thì giúp học sinh trả lời thành cụm danh từ có số lượng ở trước.

2. Hỗ trợ thực hiện các phép tính

- Khi hình thành phép cộng có nhớ, hỗ trợ học sinh thực hiện 3 thao tác sau:

Thao tác 1: Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thì thẳng cột với nhau

Thao tác 2: Thực hiện phép tính cộng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, các kết quả quá 10 thì chỉ viết chữ số đơn vị và thêm số phải nhớ vào hàng cao hơn liền trước.

Thao tác 3: Kiểm tra kết quả dựa vào quan hệ giữa tổng và các số hạng.

- Hỗ trợ trẻ bằng cách qui ước các kí hiệu (ký hiệu thể hiện các từ như: tổng, số hạng, cộng, trừ, thêm, còn lại...).
- Sử dụng vật thật hoặc đồ dùng/hình ảnh, sơ đồ, mô hình cụ thể để thể hiện ý tưởng.
- Thực hành nhiều lần để trẻ có cơ hội làm đi làm lại.

3. Hỗ trợ giải bài tập hình học

- Khi tiến hành hình thành biểu tượng hình học cho học sinh có thể hỗ trợ bằng các hoạt động:

+ Mô hình hóa khi liệt kê các kiến thức đã học để chuyển sang biểu tượng hình học mới. Ví dụ: từ điểm $\Rightarrow$ đoạn thẳng $\Rightarrow$ đường thẳng; từ độ dài đường gấp khúc chuyển sang chu vi của một hình...

+ Dùng đồ dùng trực quan, vật thật gắn liền với thực tế có hình dạng hình học để giúp học sinh có hình ảnh, có biểu tượng hình học và nhận biết hình đó. Ví dụ: viên gạch lát sàn có hình dạng vuông hoặc chữ nhật, đồng hồ có hình dạng tròn...

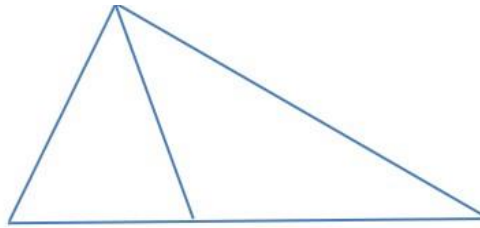
+ Dùng “phản ví dụ” để củng cố biểu tượng hình học cho học sinh khiếm thính. Ví dụ: đưa ra các đường thẳng, đường gấp khúc, đường cong để học sinh nhận biết đâu là đường cong; cho học sinh nhận biết hình tròn bằng cách đưa ra tập hợp hình: chữ nhật, tam giác, tứ giác, hình tròn.

- Trong dạy học giải toán có nội dung hình học, hỗ trợ học sinh bằng cách:
 - + Cung cấp kí hiệu về công thức tính chu vi, diện tích, thể tích các hình;
 - + Sử dụng đồ dùng trực quan;
 - + Tổ chức các hoạt động vẽ hình, tô màu, cắt ghép hình... nên tạo điều kiện để học sinh có thời gian quan sát, tự thao tác thông qua hoạt động.

Ví dụ 1: Khi dạy học sinh nhận dạng hình học có phần tử chung trong một

hình có nhiều hình. Chẳng hạn:

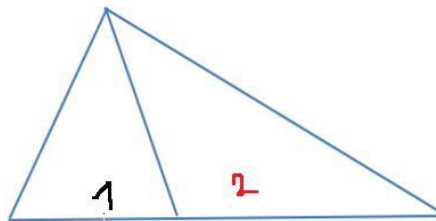
Hình dưới đây có mấy hình tam giác?



Hỗ trợ học sinh đếm đủ số hình bằng cách:

+ Cho học sinh vẽ hình có dạng như hình đã cho rồi yêu cầu học sinh tô màu đỏ, vàng vào hình tam giác nhỏ, sau đó dùng kéo cắt rời ta được 2 hình tam giác (tam giác đỏ, tam giác vàng), ghép lại được tam giác lớn đỏ vàng.

+ Dùng bút khác màu ghi số và ghi hình theo số bằng cách: các hình ghi 1 số (1;2): **2 hình**, các hình ghi hai số (1 và 2): **1 hình**. Ta có tổng cộng là 3 hình tam giác.



Ví dụ 2: Khi dạy bài “diện tích hình chữ nhật” (Toán 3), để hỗ trợ học sinh nắm quy tắc tính diện tích ta có thể dùng những ô vuông.

+ Yêu cầu học sinh xếp 12 ô vuông thành các hình chữ nhật có kích thước khác nhau, học sinh thao tác và ghi kết quả vào bảng.

12 ô vuông	Chiều dài	Chiều rộng
12	4	3
12	6	2
12	12	1

+ Học sinh tìm mối liên hệ giữa diện tích của hình chữ nhật với chiều dài và chiều rộng: $4 \times 3 = 12$, $6 \times 2 = 12$, $12 \times 1 = 12$.

+ Rút ra qui tắc tính: diện tích hình chữ nhật = chiều dài $\times$ chiều rộng.

Hoạt động 3: Vận dụng ngôn ngữ kí hiệu để giải bài toán có lời văn

Yêu cầu cần đạt:

Học viên trình bày được các bước giải toán có lời văn có kết hợp ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

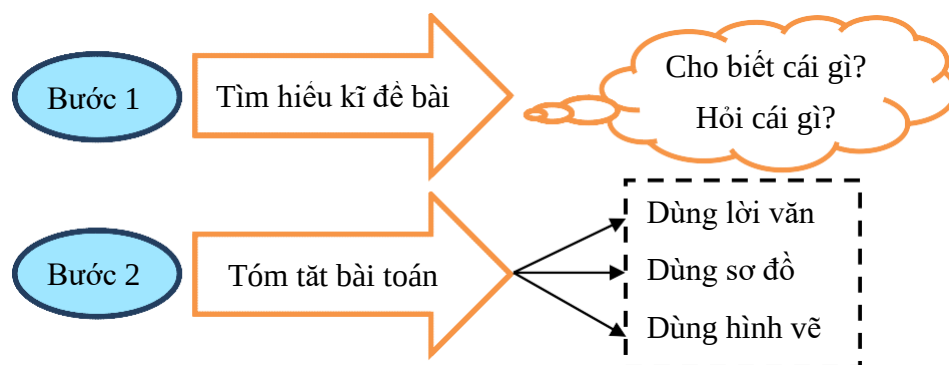
- Giảng viên trình bày một số từ vựng ngôn ngữ kí hiệu cơ bản liên quan đến giải toán có lời văn.
- Giảng viên trình bày các bước giải toán có lời văn bằng ví dụ, giải thích các từ ngữ trong bài toán và cách hỗ trợ học sinh.
- Học viên tìm ví dụ về một bài toán có lời văn và trình bày về cách hỗ trợ giải bài toán có sử dụng ngôn ngữ kí hiệu.
- Thảo luận nhóm: 5 người.

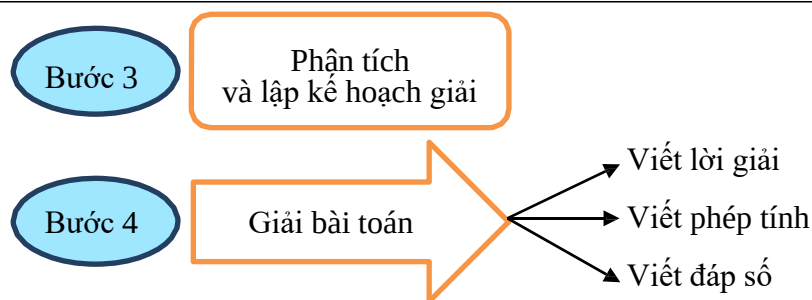


Thông tin cơ bản

– Học sinh khiếm thính thường có vốn từ vựng hạn chế, dùng từ không sát với ý nghĩa cơ bản của nó. Vì vậy, để đọc và hiểu được nội dung bài toán, người hướng dẫn cần giải nghĩa bằng ngôn ngữ kí hiệu để giúp trẻ hiểu kĩ đề, hiểu rõ một số từ khóa như “thêm, nhiều hơn, và, tất cả..” hoặc “bỏ đi, bớt đi, ít hơn, còn lại...” và gạch chân các từ ngữ quan trọng trong đề bài bằng bút màu khác để dễ phân biệt. Nếu học sinh gặp khó khăn khi đọc đề toán thì có thể cho các em nhìn tranh và trả lời câu hỏi; hoặc gắn vật mẫu lên bảng từ thay cho tranh; hoặc sơ đồ để hỗ trợ học sinh (Nguyễn Thị Bích Trang, 2016)

– Phụ huynh có thể sử dụng sơ đồ các bước giải toán sau đây để dễ nhớ các bước:





– Để trẻ có thể giải được bài toán có lời văn, trước tiên phụ huynh cần hướng dẫn trẻ tìm hiểu nghĩa của các từ khóa trong bài, những từ mà trẻ chưa hiểu nghĩa có thể bằng cách gạch chân, khoanh tròn hoặc tô màu từ đó. Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu của từ đó cho trẻ. Vì khả năng tư duy trừu tượng của trẻ khiếm thính kém nên sử dụng mô hình, sơ đồ, vật thật để giải thích nghĩa của từ cho trẻ.

– Phụ huynh có thể đọc cùng trẻ và nghiên cứu kĩ bài toán bằng cách cùng trao đổi về nội dung bài toán qua hệ thống các câu hỏi (những cái đã biết, những cái chưa biết, cái cần tìm là gì, thực hiện phép tính gì), cho trẻ thời gian để xử lí thông tin và đặt câu hỏi về những cái trẻ chưa hiểu rõ. Trẻ có thể khó khăn khi trả lời các câu hỏi vì vậy cần sử dụng ngôn ngữ kí hiệu khi trao đổi cùng trẻ và cung cấp các gợi ý mẫu thông qua sự việc gắn liền với bản thân trẻ.

– Cho trẻ thực hành nhiều lần các dạng bài toán khác nhau để trẻ có kinh nghiệm trong giải bài toán.

– Khi trẻ trình bày lời giải chưa đúng, chưa đầy đủ ý có thể hỗ trợ trẻ bằng cách gạch chân từ bị thiếu để trẻ rà soát lại.

Ví dụ: Hoa có 16 cái kẹo, Hà cho Hoa thêm 3 cái kẹo nữa. Hỏi Hoa có bao nhiêu cái kẹo? (Toán 1)

Để hỗ trợ học sinh hiểu bài toán có thể thông qua đồ dùng dạy học cho học sinh lấy 16 que tính tượng trưng cho 16 cái kẹo, sau đó yêu cầu lấy thêm 3 que tính nữa, rồi hỏi “có tất cả bao nhiêu que tính?”. Sau đó tiến hành tóm tắt:

Có: 16 kẹo

Thêm: 3 kẹo $\Rightarrow$ phép tính cộng

Có tất cả: ... kẹo ?

Từ đó hướng dẫn học sinh trình bày lời giải của bài toán: bỏ từ “hỏi”, “bao nhiêu”, “số” thay cho “bao nhiêu” hoặc “mấy”, sau đó viết lại là: “Hoa có số cái kẹo là” hoặc “Số cái kẹo Hoa có là”. Có thể hỗ trợ học sinh bằng cách dùng bút màu gạch chân những từ khóa để học sinh dễ nhận ra.

3. Hướng dẫn sử dụng Bảng hình bài học môn Toán cho học sinh khiếm thính thông qua NNKH của dự án QIPEDC

Hoạt động 4: Tìm hiểu cách sử dụng Bảng hình bài học môn Toán

Yêu cầu cần đạt:

Học viên có thể truy cập để xem và thao tác với các nội dung trong 01 bảng hình.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên giới thiệu một vài bảng hình môn Toán:
 - Lớp 1: Phép cộng trong phạm vi 10;
 - Lớp 2: Thời gian;
 - Lớp 3: Phép cộng trong phạm vi 100.000;
 - Lớp 4: Hình bình hành và hình thoi;
 - Lớp 5: Biểu đồ hình quạt.
- Học viên lắng nghe giảng viên giới thiệu về nội dung, cấu trúc và cách truy cập các bảng hình môn Toán của dự án QIPEDC thực hiện.
- Mỗi học viên tự chọn 01 bảng hình bài học và thực hành cách truy cập và tìm hiểu cách sử dụng bảng hình này.



Thông tin cơ bản

1. Giới thiệu Bảng hình bài học môn Toán

a. Về nội dung

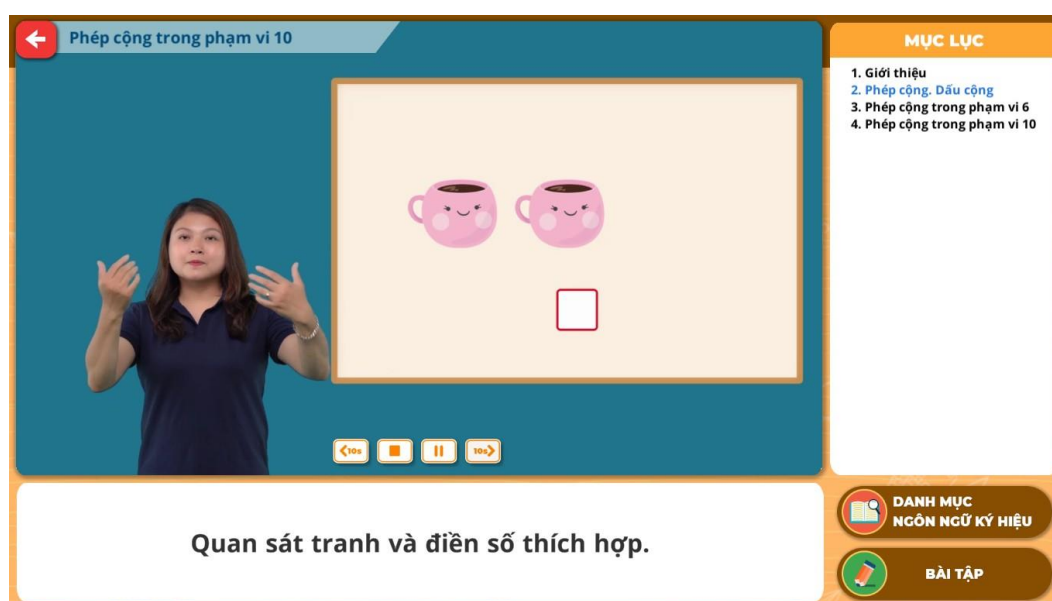
- Bảng hình bài học môn Toán gồm có 50 bài học môn Toán bằng NNKH cho học sinh khiếm thính từ lớp 1 đến lớp 5, mỗi khối lớp có khoảng 10 bảng hình.
- Mỗi bảng hình có thời lượng ngắn phù hợp với khả năng tập trung của học sinh khiếm thính tiểu học.
- Nội dung của bảng hình được xây dựng dựa trên danh mục các kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Toán cấp Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định.
- Các nội dung của Bảng hình bài học môn Toán được trình bày sinh động và thu hút và được thể hiện bằng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ kí hiệu do người khiếm thính thực hiện và phụ đề bài giảng.

b. Về cấu trúc

– Mỗi băng hình gồm có 2 phần: *Củng cố kiến thức* và *Bài tập*.

+ Phần *Củng cố kiến thức* gồm các nội dung chủ đề được diễn đạt bằng NNKH. Học sinh có thể trực tiếp tìm hiểu nghĩa của từ mới, từ khó bằng cách nhấp chuột vào danh mục các từ hiển thị trong nội dung của chủ đề đó. Các từ mới/khó sẽ được giải thích trong phần danh mục NNKH, có kèm theo hình ảnh, video minh họa.

+ Phần *Bài tập* gồm các nhiệm vụ ôn tập, mang tính chất củng cố nội dung bài học. Các bài tập được thiết kế đa dạng về thể loại và được trình bày sinh động, thu hút sự chú ý của học sinh.



Giao diện của một nội dung băng hình môn Toán

2. Các lưu ý khi sử dụng Băng hình bài học môn Toán

– Trước khi chọn xem băng hình, học sinh cần chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập kèm theo.

– Mỗi bài học có thể dài từ 5 đến 10 phút, học sinh có thể xem lần lượt các nội dung trong phần mục lục và thực hiện theo yêu cầu trong nội dung đó được hiển thị.

– Trong quá trình sử dụng, học sinh có thể sử dụng băng hình theo nhiều cách khác nhau: học cá nhân hay học theo nhóm, tự học hoặc học với sự hướng dẫn của người hỗ trợ.

– Nếu cần xem lại nội dung kiến thức nào, học sinh có thể tạm dừng hình hoặc quay lại nội dung đó để xem.

- Học sinh cũng có thể chọn và xem theo từng phần trong các nội dung và bài tập theo chủ đề của mỗi bảng hình.
- Phần trả lời câu hỏi và bài tập, học sinh nên dừng lại sau mỗi nội dung bài tập, tự suy nghĩ và làm bài sau đó mới xem nội dung đáp án để tự kiểm tra đánh giá kết quả làm bài của mình.

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Câu hỏi

- Điểm mạnh và khó khăn trong học tập môn Toán của học sinh khiếm thính cấp Tiểu học là gì?
- Giải bài tập về số và phép tính bao gồm các bước nào?

2. Bài tập

- Cho ví dụ về giải bài tập số và phép tính cụ thể bằng ngôn ngữ kí hiệu.
- Trình bày các bước hỗ trợ học sinh khiếm thính cấp tiểu học giải bài Toán có lời văn bằng ngôn ngữ kí hiệu.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán*.
3. Bộ Y tế (2008), *Giao tiếp với trẻ em giảm thính lực (khiếm thính)*, NXB Y học Hà Nội.
4. Cao Thị Xuân Mỹ (chủ biên), Trần Thị Ngọc Lan (2017), *Kí hiệu ngôn ngữ và Ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Giáo dục sáng tạo (2017), *Từ điển ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam*, <https://www.tudienngonngukyhieu.com>.
6. Lê Thị Hằng (2008), *Đại cương về Giáo dục trẻ khiếm thính*, NXB Đà Nẵng.
7. Nguyễn Thị Bích Trang (2016), *Nâng cao chất lượng giải bài toán có lời văn cho học sinh khiếm thính lớp 1 học chương trình giáo dục chuyên biệt*, Khoa học Giáo dục Đặc biệt, 3.
8. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2007), *Đại cương về giáo dục trẻ khiếm thính*, NXB Đại học Sư phạm.

9. Krasavina, Y., Serebryakova, Y., Ponomarenko, E., Zhuykova, O. (2019), Based Teaching of Hearing-Impaired Students, *ARPHA Proceedings*, 1, 1387.
10. Sandy Niemann, Devrah Greenstein & Darlena David (người dịch: Nguyễn Thị Thực An, Đinh Bích Hạnh, Nguyễn Thị Cẩm Hương) (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, NXB Lao động - Xã hội.
11. Vũ Quốc Chung (2007), *Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học*, NXB Giáo dục.

Chủ đề 5. Giáo dục giới tính và phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục ở học sinh khiếm thính

Số tiết: 6 (3 lí thuyết, 3 thực hành)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Trình bày được nội dung cơ bản giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục ở học sinh khiếm thính;
- Nêu được các yêu cầu, cách thức trong việc giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục ở học sinh khiếm thính;
- Sử dụng được các cách thức giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục ở học sinh khiếm thính.

2. Phẩm chất

- Có thái độ tích cực trong việc giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục ở học sinh khiếm thính;
- Tích cực tham gia các hoạt động giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục ở học sinh khiếm thính.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính

Hoạt động 1: Giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được yêu cầu và những nội dung cơ bản của giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Học viên trình bày được yêu cầu và những nội dung cơ bản của giáo dục cho học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Tổ chức chia nhóm cho học viên (từ 5 - 7 học viên/nhóm).
- Giảng viên đưa ra yêu cầu: Các nhóm thảo luận và chọn đại diện trình bày những nội dung cơ bản của giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính.
- Giảng viên mời các nhóm góp ý cho nhóm trình bày và kết luận sau khi các nhóm đã hoàn tất trình bày.



1. Các yêu cầu giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính

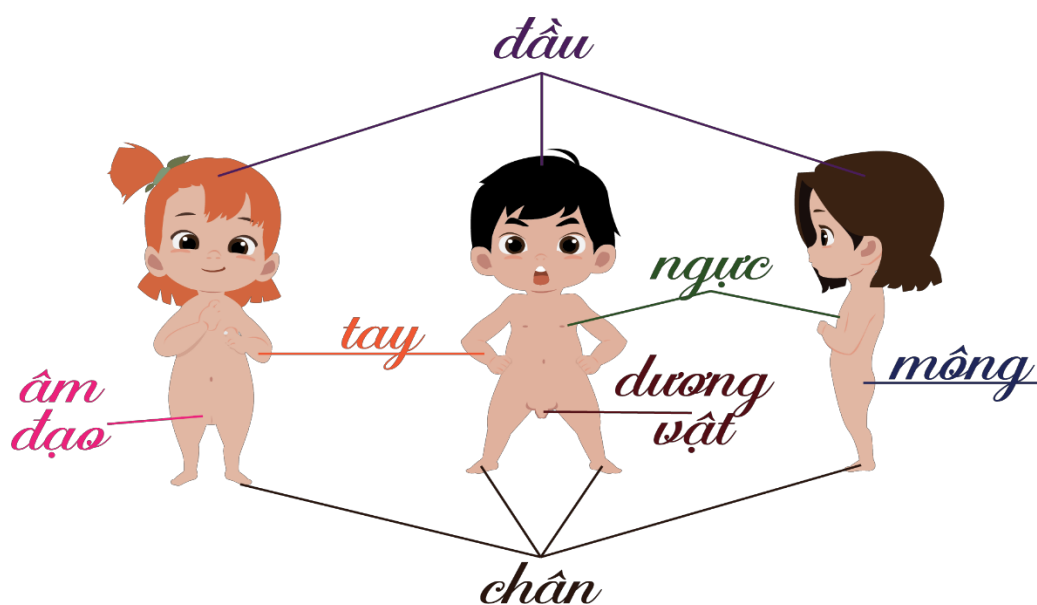
- Ngôn ngữ và thông tin phải phù hợp: Đối với học sinh khiếm thính, người lớn điếc ngoài việc dùng ngôn ngữ kí hiệu, thì còn thông qua việc sử dụng tranh ảnh.
- Phụ huynh cần bắt đầu từ những kiến thức cơ bản, tránh nhồi nhét. Đối với mỗi lứa tuổi, mỗi giai đoạn, chúng ta phải lựa chọn những phương pháp khác nhau.
- Đồng thời, chúng ta phải dạy học sinh cách ứng phó khi gặp người lạ, cách thoát khỏi sự kiểm soát của những đối tượng xấu bằng việc xây dựng những tình huống thực tế và để các em thử đóng vai nhân vật trong đó. Từ đó, các em sẽ đỡ ngỡ ngàng hơn khi gặp tình huống tương tự.
- Giúp học sinh hiểu giới tính không phải là chuyện cấm kỵ là một phần tự nhiên của con người phải học. Cần đảm bảo những kiến thức mà cha mẹ chia sẻ cho các em là những kiến thức đúng đắn, an toàn.
- Phụ huynh trò chuyện với các con một cách nghiêm túc. Tạo ra một môi trường thân thiện để chia sẻ một cách thoải mái.

2. Một số biện pháp giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính

a. Những nội dung và cách thức giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính

- *Giúp học sinh khiếm thính phân biệt giới tính nam và giới tính nữ và các bộ phận trên cơ thể*

Phụ huynh cần dạy cho các con biết trên cơ thể gồm có những bộ phận nào? Đồng thời nhấn mạnh cho các con rằng đây là những vùng trên cơ thể không ai khác được động chạm vào ngoài cha mẹ, ông bà khi tắm rửa. Nếu bất cứ ai cố tình chạm vào mà không được con cho phép, làm những hành động khác thường ở nơi vắng vẻ thì đây là hành vi xấu. Con hãy gào khóc, hét to, bỏ chạy để báo cho mọi người xung quanh giúp đỡ.



Sơ đồ các bộ phận trên cơ thể [1]

Bên cạnh đó cần giúp các con trả lời các câu hỏi:

- + Con được sinh ra từ đâu?
- + Cơ thể của con phát triển ra sao?
- + Các bạn nam và nữ khác nhau như thế nào?
- + Tự chăm sóc bản thân có khó không?
- + Làm thế nào để xây dựng tình bạn tốt đẹp?
- + Học cách tự bảo vệ bản thân như thế nào?

– *Giúp học sinh khiếm thính nhận diện các dấu hiệu, tình huống có nguy cơ xâm hại tình dục*

Giúp học sinh khiếm thính phân biệt đâu là những đụng chạm không an toàn và có thể dẫn đến nguy cơ xâm hại để tự bảo vệ cơ thể của học sinh.



- Những đụng chạm của cha, mẹ hoặc ông, bà trong gia đình giúp đỡ các em trong việc tắm rửa hoặc thể hiện tình cảm, đây được xem là những đụng chạm an toàn.

- Những đụng chạm làm cho em khó chịu và sợ hãi, đây là những đụng chạm có nguy cơ dẫn đến xâm hại.



Ngoại trừ trường hợp học sinh bị bệnh, bị thương cần sự trợ giúp để khám chữa bệnh, chăm sóc bản thân, tuy nhiên điều này cũng cần sự có mặt của cha mẹ hoặc người chăm sóc học sinh.

Trong quá trình chăm sóc và tắm rửa cho các em, phụ huynh có thể sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để hướng dẫn và chia sẻ cho các biết đâu là những bộ phận trên cơ thể mà của mình mà người khác không được phép đụng chạm vào. Hoặc phụ huynh có thể tổ chức trò chơi “miếng ghép hoàn hảo” bằng cách đưa ra bức hình của bé trai hoặc bé gái mặc đồ bơi và yêu cầu con hãy dán những nơi mà người khác không được phép nhìn, đụng chạm, đồng thời giải thích cho các em biết là không được phép nhìn và đụng chạm vào những vị trí này trên cơ thể người khác, để từ đó các em có thể chủ động trong việc tự bảo vệ bản thân được tốt hơn.

Các dấu hiệu cảnh báo nguy cơ:

Nối các báo động ở cột A tương ứng với nội dung ở cột B sao cho phù hợp

A	B
Nhìn	Người đó có những cử chỉ gằn gủi và những cái ôm khiến em khó chịu
Nói	Người đó thường xuất hiện khi em một mình hoặc lôi kéo em đến nơi vắng người
Chạm	Người đó chạm vào vùng đồ lót của em
Một mình	Người đó nói với em về những chuyện liên quan đến vùng đồ lót

Ôm

Người đó nhìn vào vùng đồ lót của em hay bắt em nhìn vào vùng đồ lót của họ. Hoặc họ cho em xem hình ảnh về vùng đồ lót

Nguyên tắc báo động: nhìn, nói, chạm, một mình, ôm giúp học sinh khiếm thính nhận diện những tình huống có nguy cơ bị xâm

– Cách biểu lộ thái độ trong hành vi ứng xử tương ứng

Điều quan trọng nhất là phụ huynh phải giúp học sinh khiếm thính dựa trên những hiểu biết, những thông tin thu thập được và những dấu hiệu cảnh báo đã xác định, lựa chọn thái độ và hành vi ứng xử tương ứng. Mỗi dấu hiệu cảnh báo được đưa ra sẽ có những thái độ phản ứng và hành vi ứng xử tương ứng, đặc biệt thái độ càng rõ ràng, dứt khoát, hành vi ứng xử càng phù hợp thì khả năng tự bảo vệ bản thân của chủ thể càng tốt. Bên cạnh đó, phụ huynh cần phải hướng dẫn các em biết cách từ chối với những dụ dỗ, hay tìm cách rời bỏ trước những nguy cơ bị xâm hại và đặc biệt quan trọng là hãy tạo cho các em thói quen chia sẻ những dấu hiệu, nguy cơ, hành vi xâm hại để phụ huynh có thể hỗ trợ các em kịp thời.



T	Ừ	C	H	Ó	I
---	---	---	---	---	---



R	Ờ	I	B	Ỏ
---	---	---	---	---



C	H	I	A	S	Ể
---	---	---	---	---	---

**Hãy sử dụng bộ ba hành động:
Từ chối – Rời bỏ - Chia sẻ
khi tình huống không an toàn**

b. Các kỹ thuật giáo dục giới tính phù hợp với học sinh khiếm thính

- Sử dụng tranh ảnh (có thể dùng tranh có sẵn, hoặc thiết kế hoạt động vẽ tranh, tô màu, xé giấy dán tranh) có nội dung liên quan đến các tình huống nhận diện, phân biệt giới tính bạn nam – bạn nữ, các báo động nhận diện tình huống nguy cơ,... kết hợp việc đặt câu hỏi bằng ngôn ngữ kí hiệu để giúp học sinh phân biệt được hành vi phù hợp/không phù hợp, hành vi đúng/hành vi sai, hành vi được phép/không được phép, đụng chạm an toàn/đụng chạm không an toàn,...
- Sử dụng video clip trực quan hóa những tình huống xảy ra liên quan đến việc học sinh bị xâm hại và đặt vấn đề cho học sinh thông qua sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, giúp các em phân biệt được những hành động an toàn/không an toàn, xâm hại/không xâm hại.
- Sắm vai tình huống cụ thể, phụ huynh cùng sắm vai với học sinh để hướng dẫn các em cách ứng phó phù hợp trong những tình huống có nguy cơ bị xâm hại.

2. Phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục ở học sinh khiếm thính

Hoạt động 2: Các yêu cầu phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục cho học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được những yêu cầu phòng, chống bạo lực xâm hại cho học sinh khiếm thính.
- Học viên trình bày được những yêu cầu phòng, chống bạo lực xâm hại cho học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Tổ chức chia nhóm cho học viên (từ 5 - 7 học viên/nhóm).
- Giảng viên đưa ra yêu cầu: Các nhóm thảo luận và chọn đại diện trình bày những yêu cầu phòng, chống bạo lực xâm hại cho học sinh khiếm thính.
- Giảng viên qui định về thời gian thảo luận: 10 phút. Thời gian trình bày mỗi nhóm: không quá 5 phút/nhóm.

- Hình thức trình bày: viết/vẽ...
- Giảng viên mời đại diện 2 hoặc 3 nhóm lên trình bày, thời gian trình bày 3 phút. Các nhóm góp ý cho nhóm trình bày và kết luận sau khi các nhóm đã hoàn tất trình bày.



Thông tin cơ bản

1. Các yêu cầu cần đạt trong phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh khiếm thính

a. Về nhận thức

- Giúp học sinh khiếm thính hiểu về các vấn đề giới tính và xâm hại như: Phân biệt được giới tính nam – nữ, khái niệm xâm hại tình dục, hậu quả của việc bị xâm hại tình dục, các biểu hiện hành vi xâm hại tình dục.
- Biết được các bước phòng tránh xâm hại tình dục.
- Nhận biết các dấu hiệu cảnh báo nguy cơ xâm hại tình dục, phân biệt những đụng chạm an toàn và không an toàn.
- Biết được các quyền của trẻ em: Quyền được “nói không”, từ chối với những hành vi xâm hại tình dục, quyền được bảo vệ và chăm sóc một cách an toàn, quyền được bày tỏ cảm xúc, thái độ và ý kiến của bản thân.

b. Về thái độ

- Bình tĩnh, không hoảng loạn khi đối diện các dấu hiệu cảnh báo nguy cơ xâm hại tình dục để có được hành vi ứng xử phù hợp
- Thể hiện sự phản đối rõ ràng, dứt khoát khi bị dụ dỗ, lôi kéo.
- Tích cực, chủ động tự bảo vệ bản thân tránh các tình huống có nguy cơ bị xâm hại tình dục.
- Thể hiện sự tự tin, mạnh mẽ, cương quyết qua nét mặt đồng thời thông các hành động, cử chỉ để nói “Không”, “Dừng lại” khi thấy biểu hiện hành vi xâm hại tình dục.
- Biểu lộ với cường độ khác nhau một cách linh hoạt theo tình huống, có những tình huống ở mức báo động đỏ thì học sinh cần giữ thái độ bình tĩnh để tìm có thoát ra và giữ an toàn cho bản thân.

c. Về hành vi

– Vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có vào việc nhận diện xâm hại tình dục, các biểu hiện hành vi xâm hại tính dục đặc biệt là nhận diện các dấu hiệu cảnh báo nguy cơ bị xâm hại tính dục.

– Có thao tác biểu lộ thái độ qua nét mặt, cử chỉ và thể hiện hành vi ứng xử phù hợp với các dấu hiệu cảnh báo xâm hại tình dục. Để ngăn chặn các hành vi xâm hại tình dục diễn ra, trẻ điếc buộc phải đối mặt với các dấu hiệu cảnh báo và biểu lộ thái độ phối hợp cùng thao tác hành vi một cách dứt khoát, quyết liệt và tìm kiếm sự trợ giúp từ các nguồn lực xung quanh.

– “Nói không”: Phản đối hành vi xâm hại tình dục bằng việc “nói không” bằng cách xua tay theo các cường độ khác nhau dựa vào các báo động nhìn, nói, chạm, báo động ôm và báo động một mình

– Đi khỏi hoặc bỏ chạy khỏi tình huống có nguy cơ bị xâm hại tình dục. Đồng thời chia sẻ, kể lại sự việc với cha mẹ, người lớn mà các em tin tưởng

– Hình thành được ở học sinh điếc kỹ năng phòng tránh xâm hại tình dục như: nhận diện vấn đề xâm hại tình dục và các biểu hiện hành vi xâm hại tình dục, nhận diện các dấu hiệu cảnh báo nguy cơ bị xâm hại tình dục, lựa chọn, biểu lộ thái độ và hành vi phù hợp trong các tình huống khác nhau.

2. Yêu cầu trong phòng, chống bạo lực cho học sinh khiếm thính

a. Về nhận thức

- Giúp học sinh khiếm thính hiểu thế nào là bạo lực học đường.
- Phân biệt được các loại bạo lực khác nhau.
- Nhận diện hành vi có nguy cơ dẫn đến bạo lực học đường.
- Biết được những cách ứng phó phù hợp khi rơi vào tình huống bị bạo lực.

b. Về thái độ

- Bình tĩnh, không hoảng loạn khi đối diện các tình huống có nguy cơ bạo lực, hoặc tình huống bạo lực.
- Tích cực, chủ động tự bảo vệ bản thân tránh các tình huống có nguy cơ bị bạo lực.
- Thể hiện sự tự tin, mạnh mẽ, cương quyết qua cử chỉ, nét mặt.

c. Về hành vi

- Biết cách tìm kiếm sự giúp đỡ khi bị rơi vào tình huống bạo lực.
- Biết cách tự kiểm soát và quản lý cảm xúc bản thân để không xảy ra tình huống bạo lực, hoặc làm gia tăng bạo lực.
- Biết cách chia sẻ thông tin với người tin cậy để nhận được sự đồng cảm, chia sẻ và hỗ trợ phù hợp.

Hoạt động 3: Những biểu hiện hành vi bạo lực thường xảy ra đối với học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

Học viên biết được những hành vi bạo lực thường xảy ra với học sinh khiếm thính.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên chuẩn bị các thăm có chứa các từ khóa liên quan đến những hành vi bạo lực thường xảy ra với học sinh khiếm thính.
- Giảng viên để học viên tự chia nhóm với nhau (từ 5 - 7 thành viên/nhóm). Đại diện lên miêu tả từ khóa (về những hành vi bạo lực thường xảy ra với học sinh khiếm thính) cho nhóm mình, các thành viên của nhóm có nhiệm vụ đoán được từ khóa và tìm chính xác nội dung trong các phiếu.
- Giảng viên ra yêu cầu: trong thời gian quy định (thường là 2 phút), nhóm nào giải được từ khóa sẽ được điểm cộng, nếu hết thời gian mà không đoán được thì quyền trả lời thuộc về nhóm khác.
- Sau khi giải hết các từ khóa, giảng viên tổng điểm và có phần thưởng khuyến khích.
- Sau đó, mời một số học viên/nhóm chia sẻ kiến thức về những từ khóa tìm được.



Thông tin cơ bản

Những biểu hiện hành vi bạo lực thường xảy ra đối với học sinh khiếm thính

- Thông qua ngôn ngữ, cử chỉ lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, bắt nạt,...
- Sử dụng hình ảnh để trêu chọc, miệt thị, làm nhục bạn.
- Tác động tâm lý biểu hiện ở việc nói xấu, lôi kéo người khác xa lánh, cô lập,... làm cho người bị hại cảm thấy cô đơn, sợ hãi, thiếu tự tin khi tiếp xúc với những

người khác.

- Dùng sức mạnh, vũ lực như đánh đấm, xô đẩy, giật tóc, ném đồ vật,...

Bạo lực học đường diễn ra trong lớp học, trong chính khuôn viên nhà trường. Biểu hiện của hành vi bạo lực học đường đối với học sinh tiểu học thường xoay quanh các vấn đề như: muốn thể hiện bản thân với người khác, muốn trả đũa, bêu xấu bạn, muốn đoạt tiền để tiêu xài hoặc lấy cắp viết, hộp màu làm của riêng,... Giá trị vật chất mà các em chiếm đoạt tuy không lớn nhưng nếu không ngăn chặn kịp thời, mức độ phát triển sẽ ngày càng cao, nặng nề hơn.

Ngoài ra, hành vi bạo lực còn xuất phát từ việc học sinh tiếp nhận các phim ảnh, game, sách, báo chí... có tính chất bạo lực trên mạng xã hội thông qua các phương tiện phổ biến như điện thoại, laptop,... Trong khi đó, học sinh khiếm thính chủ yếu tri giác qua kênh nhìn, tư duy bằng trực quan hay bắt chước. Kẻ xấu thường lợi dụng điểm này để lôi kéo học sinh vào các hành vi sai trái, vi phạm pháp luật.

Hành vi bạo lực dù ở dạng bạo lực thể xác, tinh thần, tài chính, tình dục hay ở mức độ nào đều gây tổn thương về thể chất, bất ổn về tinh thần, ảnh hưởng đến học tập của người bị hại. Do đó, để rèn luyện kỹ năng phòng chống bạo lực cho học sinh khiếm thính, cần tuân thủ một số yêu cầu về nội dung nhất định.

Hoạt động 4: Thực hành một số biện pháp rèn luyện kỹ năng phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục cho học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được quy trình thiết kế các hoạt động giáo dục giới tính có lồng ghép nội dung phòng chống xâm hại cho học sinh khiếm thính tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

- Học viên vận dụng các yêu cầu cần đạt để thiết kế các hoạt động giáo dục giới tính có lồng ghép nội dung phòng chống xâm hại cho học sinh khiếm thính tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Giảng viên có thể chia nhóm lớn, hoặc làm cặp đôi, làm cá nhân. Tùy vào bầu không khí lớp học.

- Giảng viên đưa ra yêu cầu về thiết kế các hoạt động giáo dục giới tính có lồng ghép nội dung phòng chống xâm hại cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

– Sau khi học viên hoàn thành, giảng viên mời một số đại diện chia sẻ. Những sản phẩm còn lại sẽ được chia sẻ với cả lớp thông qua các kênh mạng xã hội, hoặc tổ chức trưng bày theo kỹ thuật phòng tranh.



Thông tin cơ bản

1. Nhận biết nguy cơ và các hành vi xâm hại tình dục

– Các dấu hiệu nhận biết nguy cơ xâm hại: Cần dạy học sinh cảnh giác với những hành vi của người lớn xung quanh học sinh như sau:

- + Quan tâm quá mức đến học sinh, tặng quà đắt tiền hoặc cho học sinh tiền.
- + Thể hiện tình cảm một cách bất thường.
- + Cố tạo ra thời gian riêng tư với học sinh và/hoặc đến thăm học sinh mà không có sự giám sát của người khác.

+ Hướng dẫn thực hiện: Cha mẹ có thể đặt câu hỏi, kèm theo hình ảnh.

– Nhận diện các hành vi xâm hại tình dục: Xâm hại tình dục học sinh em bao gồm các hành vi:

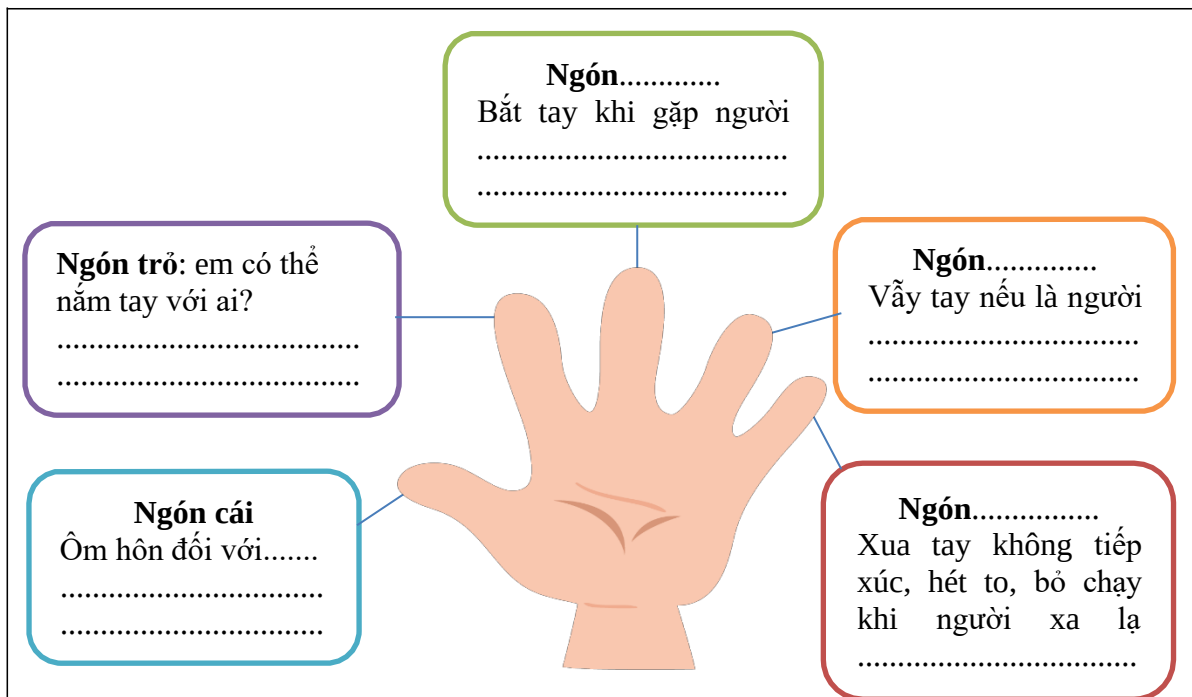
- + Hành vi phô diễn, phơi bày và bắt học sinh nhìn bộ phận sinh dục của mình.
- + Sử dụng ngôn ngữ dâm ô với học sinh, ép học sinh xem băng hình đồi trụy.
- + Đụng chạm, vuốt ve, sờ nắm, quấy rối tình dục.
- + Cưỡng dâm, hiếp dâm.
- + Quan hệ tình dục, giao cấu với học sinh.
- + Hướng dẫn thực hiện.

Để học sinh khiếm thính có thể nhớ được các hành vi xâm hại tình dục, cha mẹ có thể tổ chức trò chơi “nhận diện hành vi” bằng cách đưa ra các hình ảnh và đặt câu hỏi “đâu là những hành vi mà người khác không được phép”, sau khi các em lựa chọn được hình ảnh phù hợp cha mẹ cùng với các em trao đổi lý do vì sao những hành vi đó người khác không được phép làm?

2. Hướng dẫn rèn luyện kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh khiếm thính

a. Nguyên tắc 5 ngón tay

Hoàn thành bức tranh sau:



Sơ đồ nguyên tắc 5 ngón tay [1]

+ Ngón cái - gần mình nhất tượng trưng cho những người thân ruột thịt trong gia đình như ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột - bé có thể ôm hôn mọi người hoặc đồng ý đề các thành viên trong nhà ôm hôn, thể hiện tình yêu thương, tắm rửa khi bé còn nhỏ.

+ Ngón trỏ - tượng trưng cho thầy cô, bạn bè ở trường lớp hoặc họ hàng của gia đình. Những người này có thể nắm tay, khoác vai hoặc chơi đùa.

+ Ngón giữa - người quen như hàng xóm, bạn bè của cha mẹ - bé có thể bắt tay chào hỏi họ.

+ Ngón áp út - gặp người mới gặp lần đầu, các bé có thể dừng lại ở mức vẫy tay chào.

+ Ngón út - ngón tay xa bé nhất thể hiện cho những người hoàn toàn xa lạ hoặc người có cử chỉ thân mật, khiến bé thấy lo sợ, bất an, bé hoàn toàn có thể bỏ chạy, hét to để thông báo với mọi người xung quanh (Nguyễn Lan Hải, 2016).

Nguyên tắc 5 ngón tay giúp các em giữ khoảng cách an toàn, bảo vệ bản thân em trong các mối quan hệ hàng ngày

Lưu ý: cần giúp cho các em hiểu rằng, nếu người thân, người quen, người lạ mà gây cho các em “cảm giác khó chịu” cũng bị coi là “người đáng ngại”. Tuy nhiên, cũng cần cho các em biết là có thể “vi phạm” trong vài trường hợp ngoại lệ:

- Chen chúc chỗ đông người (va chạm vào nhau trên xe buýt, trong thang máy, nơi lễ hội, trên tàu thuyền,...), hãy xin lỗi vì đã làm phiền họ.
- Người khác cần mình “giúp một tay” (đỡ em bé bị té ngã, dắt cụ già qua đường, giúp người bệnh hoặc người khuyết tật).
- Tương tác khi sinh hoạt tập thể (nắm tay múa hát, tham gia trò chơi, nối vòng tay lớn).

b. “Vùng riêng tư”

Phụ huynh có thể tổ chức trò chơi, yêu cầu các con hãy đánh dấu X vào những vùng không ai được phép đụng chạm vào khi chưa được sự đồng ý của con



Sơ đồ minh họa vùng riêng tư [1]

Sau đó hãy giải thích cho các con biết rằng, đây là những vùng riêng tư và không ai được phép đụng vào. Cùng với đó, hãy nhấn mạnh với các con “không ai có quyền yêu cầu con chạm vào vùng kín của họ”. Quy tắc an toàn áp dụng mọi lúc không chỉ với người lạ mà với cả người quen hay những đứa học sinh khác bởi đa số nạn nhân bị lạm dụng tình dục bởi người quen biết và tin tưởng.

Hoạt động 5: Rèn luyện kỹ năng phòng chống bạo lực cho học sinh khiếm thính

Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được những nội dung kỹ năng phòng chống bạo lực cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.
- Học viên vận dụng các yêu cầu cần đạt để xây dựng nội dung rèn luyện kỹ năng phòng chống bạo lực cho học sinh khiếm thính tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

Cách thức tiến hành:

- Tổ chức chia nhóm cho học viên (từ 5 - 7 học viên/nhóm).

– Giảng viên đưa ra yêu cầu: các nhóm tự phân vai với nhau để thực hành kỹ năng phòng chống bạo lực cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu. Các nhóm được quyền tự do chọn những nội dung phù hợp theo nội dung bài giảng để sắm vai.

– Mời các nhóm quan sát và góp ý. Giảng viên kết luận.



Thông tin cơ bản

1. Nội dung kỹ năng phòng, chống bạo lực cho học sinh khiếm thính tiểu học

a. Phân biệt được hành vi bạo lực và không bạo lực. Nhấn mạnh nội dung: hành vi bạo lực học đường là hành vi làm tổn hại thân thể, tinh thần và diễn ra trong phạm vi nhà trường.

b. Nhận diện những tình huống có nguy cơ dẫn đến bạo lực: bạo lực vật chất, bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần; riêng với nhóm học sinh tiểu học khiếm thính có độ tuổi từ 12 – 18 tuổi, thêm vào nội dung bạo lực tình dục.

c. Biểu hiện thái độ ứng xử phù hợp trong những tình huống bạo lực:

– Kỹ năng nhận diện tình huống nguy hiểm

+ Học sinh khiếm thính nhận biết được tình huống nguy hiểm liên quan đến bạo lực thông qua hình ảnh, video clip, trò chơi, hoạt động sắm vai.

+ Học sinh khiếm thính hiểu được những nguy hại mà hành vi bạo lực mang đến và có ý thức tự phòng vệ, ứng phó phù hợp,

+ Học sinh khiếm thính vận dụng một số cách nhận diện và ứng phó phù hợp trong những tình huống nguy hiểm liên quan đến bạo lực khác nhau.

– Kỹ năng bảo vệ bản thân

+ Học sinh khiếm thính nhận biết được một số cách bảo vệ bản thân phù hợp khi rơi vào tình huống bạo lực.

+ Học sinh khiếm thính hiểu được một số yêu cầu để bảo vệ bản thân khi rơi vào tình huống bạo lực.

+ Học sinh khiếm thính vận dụng một cách kỹ năng thoát hiểm khi rơi vào tình huống bạo lực.

– Kỹ năng bày tỏ và thể hiện cảm xúc

+ Học sinh khiếm thính biết được những cảm xúc cơ bản và những cảm xúc có

được khi rơi vào tình huống bạo lực.

+ Học sinh khiêm thính hiểu được một số yêu cầu để bày tỏ và thể hiện cảm xúc, đặc biệt trong tình huống bạo lực.

+ Học sinh khiêm thính vận dụng một số kỹ thuật bày tỏ và thể hiện cảm xúc trong tình huống cụ thể để giữ bình tĩnh và điều chỉnh hành vi phù hợp khi rơi vào tình huống bạo lực.

– **Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn**

+ Học sinh khiêm thính biết được thế nào là mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn và xung đột trong mối quan hệ bạn bè đồng trang lứa.

+ Học sinh khiêm thính hiểu được một số yêu cầu để nhận diện mâu thuẫn, truy tìm nguyên nhân và giải quyết mâu thuẫn phù hợp, phòng tránh bạo lực xảy ra.

+ Học sinh khiêm thính vận dụng một số kỹ thuật giải quyết mâu thuẫn hiệu quả để cải thiện mối quan hệ bạn bè, thoát khỏi tình huống bạo lực và biết cách nhờ sự hỗ trợ từ người lớn, hoặc vòng tay bạn bè phù hợp.

2. Một số biện pháp rèn luyện kỹ năng phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiêm thính

– **Mục tiêu hoạt động:**

Giúp học sinh khiêm thính biết cách nhận diện 1 người lớn đáng tin cậy để chia sẻ và được trợ giúp khi bị bạo lực trên đường tới trường hoặc ở trường.

– **Phương pháp:**

Đặt câu hỏi, thảo luận, trả lời.

– **Các bước tiến hành:**

Bước 1. Phụ huynh có thể chọn một trong hai cách: kể chuyện theo tranh mô tả kết hợp ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh hiểu được nội dung “tình huống bạo lực trên đường đi học”. Hoặc con xem clip “Tình huống bạo lực trên đường đi học”. Phụ huynh có thể đặt các câu hỏi theo gợi ý bên dưới:

1) Ai có thể giúp được con trong tình huống này?

2) Con hãy liệt kê 1 danh sách những người lớn đáng tin cậy có thể giúp con trong những tình huống đó (bằng cách dán hình của họ/ vẽ tranh/ viết chữ...)? (Những người lớn đáng tin cậy có thể là: hàng xóm, giáo viên, hiệu trưởng, công an, cha mẹ của bạn bè...)

3) Con hãy viết tên 3 người lớn đáng tin cậy nhất trong cuộc sống của con? (phát giấy và yêu cầu con viết tên lên đó).

Bước 2. Phụ huynh sẽ yêu cầu con trả lời. Sau đó, phụ huynh tổng kết để con hiểu được là “không phải tất cả người lớn đều đáng tin cậy, trong khi có những người lớn cố gắng làm hại con thì có nhiều người lớn sẵn sàng giúp đỡ con. Nếu có ai đó tiếp cận, làm tổn thương con, khiến con cảm thấy sợ hãi, khó chịu, hoặc cảm thấy mình đang gặp nguy hiểm hãy tìm 1 người lớn làm cho con cảm thấy thoải mái và an toàn để được giúp đỡ”. Đồng thời cung cấp số điện thoại bảo vệ trẻ em 111 để tìm sự hỗ trợ khi cần.

Ngoài ra, phụ huynh có thể đưa ra một số tính huống có thể dẫn đến nguy cơ bạo lực ở trường để các em thực hành, hình thành kỹ xử lý tính huống và tìm kiếm sự hỗ trợ.

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Câu hỏi

- Trình bày những nội dung cơ bản trong giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính.
- Nêu những yêu cầu trong việc giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục ở học sinh khiếm thính.

2. Bài tập

- Thực hành một trò chơi hỗ trợ phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục ở học sinh khiếm thính tại gia đình bằng các cách tiếp cận khác nhau.
- Thực hành một hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Văn Sơn (2017), *Kỹ năng phòng tránh xâm hại cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Huỳnh Văn Sơn (2017), *Kỹ năng phòng tránh xâm hại cho học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3. Knoors, H., Brons, M., Marschark, M. (Eds.) (2019), *Deaf education beyond the Western world: Context, challenges, and prospects*, Oxford University Press.

4. Mitchiner, J., Batamula, C., Kite, B. J. (2018), Hundred Languages of Deaf Children: Exploring the Reggio Emilia Approach in Deaf Education, *American annals of the deaf*, 163(3), 294-327.
5. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2005), *Đại cương giáo dục học sinh khiếm thính*, NXB Đại học Sư phạm.
6. Nguyễn Lan Hải (2016), “*Cẩm nang Giáo dục giới tính giúp trẻ tránh bị xâm hại – “Luật bàn tay” và “Nguyên tắc đồ lót”*”, NXB Phụ nữ.
7. Ona Needelman (2015), *Views of Deaf Teachers on Sexual Awareness and Prevention of Sexual Abuse among Deaf Children and Youth*, *Journal of Child and Youth Care*.